

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH CAO BẰNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Số 073, Tổ dân phố Sông Hiến 1, P.Thực Phán, tỉnh Cao Bằng

Điện thoại: (0206)3.750.607

Website: <http://truongcaodangcaobang.edu.vn/>

Email: cbc.c06@moet.edu.vn

BÁO CÁO

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TIẾNG TRUNG QUỐC
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NĂM 2025**

Cao Bằng, tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG CHÍNH.....	3
CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CAO BẰNG KHOA NGÔN	
NGỮ PHỤ TRÁCH CTĐT VÀ CTĐT.....	4
1. Thông tin khái quát về Trường Cao đẳng Cao Bằng.....	4
1.1. Thông tin chung.....	4
1.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển	4
1.2.1. Lịch sử phát triển	4
1.2.2. Thành tích nổi bật	5
1.3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường (tính đến 30/11/2025).....	6
1.4. Cơ sở vật chất, thư viện	7
1.4.1. Cơ sở vật chất	7
1.4.2. Thư viện.....	7
1.4.3. Tài chính	7
2. Thông tin khái quát về Khoa Ngôn ngữ ngữ phụ trách CTĐT	8
2.1. Cơ cấu tổ chức	8
2.2. Chức năng nhiệm vụ	10
2.2.1. Chức năng	10
2.2.2. Nhiệm vụ	10
2.3. Phối hợp giữa các đơn vị trong thực hiện CTĐT	11
3. Thông tin về Chương trình đào tạo.....	12
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT.....	16
1. Tổng quan chung	16
1.1 Căn cứ tự đánh giá.....	16
1.2 Mục đích tự đánh giá	16
1.3 Yêu cầu tự đánh giá.....	16
1.4 Phương pháp tự đánh giá	16
1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá	16
2. Tự đánh giá	17
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	17
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	23
TIÊU CHÍ 1: MỤC TIÊU CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	23
TIÊU CHÍ 2: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, GIÁO TRÌNH	26
TIÊU CHÍ 3: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO	31
TIÊU CHÍ 4: ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG	38
TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ HỌC LIỆU	45
TIÊU CHÍ 6: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC.....	51
TIÊU CHÍ 7: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG.....	55

BẢNG MÃ MINH CHỨNG.....	64
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CTĐT.....	77
1. Kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc	77
2. Các biện pháp và kế hoạch cụ thể.....	77
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	80
PHỤ LỤC	81

NỘI DUNG CHÍNH
BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGÀNH TIẾNG TRUNG QUỐC TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Ký hiệu viết tắt
1	Cao đẳng Sư phạm	CĐSP
2	Cao đẳng Cao Bằng	CĐCB
3	Chương trình đào tạo	CTĐT
4	Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên	ĐT&CTHSSV
5	Giảng viên, giáo viên	GV
6	Giáo dục	GD
7	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
8	Giáo dục nghề nghiệp	GDNN
9	Tổ chức – Hành chính	HC-QT
10	Kiểm định chất lượng	KĐCL
11	Lao động – Thương binh và Xã hội	LĐTB&XH
12	Nghiên cứu khoa học	NCKH
13	Người học	NH
14	Phương pháp dạy học	PPDH
15	Sinh viên	SV
16	Khoa Ngôn ngữ	KNN
17	Tổ Tâm lý giáo dục - Chính trị - Ngoại ngữ	Tổ TLGD-CT-NN
18	Khóa 23 (2023-2026)	K23
19	Khóa 24 (2024-2027)	K24
20	Khóa 25 (2025-2028)	K25

Số: 726/BC-CDCB

Cao Bằng, ngày 23 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

**Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành
Tiếng Trung Quốc trình độ cao đẳng năm 2025**

PHẦN I.

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CAO BẰNG, KHOA NGÔN NGỮ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin khái quát về Trường Cao đẳng Cao Bằng

1.1. Thông tin chung

- **Tên tiếng Việt:** Trường Cao đẳng Cao Bằng

- **Tên tiếng Anh:** Cao Bang College

- **Địa chỉ:**

+ Trụ sở chính: số 073, Tổ dân phố Sông Hiến 1, Phường Thục Phán, Tỉnh Cao Bằng.

+ Cơ sở số 1: số 28, ngõ 61, Tổ dân phố Đề Thám 1, Phường Thục Phán, Tỉnh Cao Bằng.

+ Cơ sở số 2: Phố A, Xã Hòa An, Tỉnh Cao Bằng.

- **Điện thoại:** (0206)3.750.607

- **Email:** cbc.c06@moet.edu.vn

- **Website:** truongcaodangcaobang.edu.vn

- Năm thành lập Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng: 2000

- Năm tổ chức lại Trường Cao đẳng Cao Bằng: 2025

- Năm mở mã ngành CĐ Tiếng Trung Quốc: 2015

- Loại hình trường: Đơn vị sự nghiệp công lập.

1.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển

1.2.1. Lịch sử phát triển

*** Quá trình hình thành và phát triển của Trường CĐSP Cao Bằng**

Năm 1948 lớp sư phạm đầu tiên của tỉnh Cao Bằng được thành lập tại Thôn Rếp, Thụy Hùng, Hà Quảng.

Từ năm 1959 - 1973 lãnh đạo tỉnh ra quyết định thành lập khu học xá Cao Bằng gồm 4 phân hiệu, trong đó có phân hiệu đào tạo giáo viên cấp I và cấp II.

Năm 1960 - 1965 Bộ Giáo dục ra quyết định thành lập trường Sư phạm cấp II Cao Bằng. Việc tuyển sinh được duy trì ngành đào tạo giáo viên cấp II, giáo viên cấp I, giáo viên Mẫu giáo và giáo viên dạy chữ HMông.

Từ năm 1967 - 1972 Tỉnh ra quyết định mở trường Sư phạm cấp I gồm các lớp: 4+3; 7+1; 7+3; 10+1; mở thêm các ban Văn - Sử; Toán - Lí; Hóa - Sinh; Sinh - Địa (đối với Sư phạm cấp II)

Năm 1974 - 1975 thành lập trường Sư phạm 7+2, đến năm 1978 - 1979 thay đổi tên trường Sư phạm 7+2 thành trường Sư phạm 10+2.

Năm 1978, Bộ Giáo dục và Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ra quyết định mở trường Sư phạm 10+3 Cao Bằng vào ngày 20/11/1978.

Năm 1984, trường Sư phạm mẫu giáo được sáp nhập lại với trường nuôi dạy trẻ thành trường Mẫu giáo nhà trẻ.

Năm 1990, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 334/UBND-TC ngày 20 tháng 9 năm 1990 sáp nhập cả 3 trường Sư phạm 12+2, 12+3, Mẫu giáo nhà trẻ thành trường Trung học Sư phạm Cao Bằng.

Đến ngày 02 tháng 10 năm 2000, Trường THSP Cao Bằng đã được Bộ Giáo dục Đào tạo ký Quyết định số 4018/2000/QĐ-BGD&ĐT- TCCB nâng cấp trường THSP Cao Bằng thành trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng.

*** Quá trình hình thành và phát triển của Trường Trung cấp nghề Cao Bằng**

Trường Trung cấp nghề Cao Bằng (tiền thân là trường Dạy nghề tỉnh Cao Bằng) là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Cao Bằng được thành lập từ năm 2002 (QĐ số 1426/QĐ-TC-UB ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng).

Năm 2008, Trường đổi tên thành trường Trung cấp nghề tỉnh Cao Bằng.

Năm 2019, Trường sáp nhập với Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật theo Quyết định số 1999/QĐ - UBND ngày 08/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, lấy tên là Trường Trung cấp nghề Cao Bằng trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Cao Bằng. Trường có chức năng đào tạo nghề bậc Trung cấp, Sơ cấp, Liên kết đào tạo trình độ cao đẳng, đại học theo hình thức vừa học, vừa làm.

*** Quá trình hình thành và phát triển của Trường Cao đẳng Cao Bằng**

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nghị quyết số 06-NQ/BCSD ngày 02/12/2022 của Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 3593/KH-BCĐ ngày 24/12/2022 của Ban Chỉ đạo tỉnh về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đối với các cơ quan hành chính Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng và Trường Trung cấp nghề Cao Bằng đã sáp nhập nhằm làm tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước; chuyển đổi mục tiêu đào tạo từ giáo dục chuyên nghiệp sang giáo dục nghề nghiệp; đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực vừa có tri thức, kỹ năng nghề nghiệp; đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung chương trình, kế hoạch giảng dạy, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, nhu cầu của thị trường lao động.

Trường Cao đẳng Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc tổ chức lại trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng và trường Trung cấp Nghề Cao Bằng thành trường Cao đẳng Cao Bằng.

1.2.2. Thành tích nổi bật

Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng và Trường Trung cấp nghề Cao Bằng được tổ chức lại nhằm tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước; chuyển đổi mục tiêu đào tạo từ giáo dục chuyên nghiệp sang giáo dục

nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và yêu cầu của thị trường lao động.

Trước khi tổ chức lại, Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng là một cơ sở giáo dục có bề dày truyền thống 77 năm xây dựng và phát triển. Phát huy tinh thần đoàn kết của nhiều thế hệ lãnh đạo, đảng viên, viên chức và người lao động, nhà trường đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo qua các thời kỳ lịch sử. Công tác xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh luôn được chú trọng và đạt nhiều kết quả khả quan qua các nhiệm kỳ. Với sự nỗ lực không ngừng của nhiều thế hệ cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên, Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc trong công tác giáo dục – đào tạo: 13 năm liên nhận được cờ thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân tỉnh, 2 lần được tặng bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 5 năm liên nhận cờ Thi đua của Bộ Công an, 1 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; đặc biệt được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2004 và Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2010 cùng nhiều giấy khen, bằng khen khác. Đảng bộ nhà trường nhiều năm liên được công nhận là tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh.

Trường Trung cấp nghề Cao Bằng được thành lập vào năm 2003 với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực hệ trung cấp nghề, dạy nghề cho lao động Nông thôn, chuyển giao công nghệ bám sát thực tiễn để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội trong thời kỳ hội nhập của quốc gia. Từ những ngày đầu đi vào hoạt động trường đã xác định được đào tạo nguồn nhân lực gắn liền với thực tiễn để sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có đủ trình độ chuyên môn và trình độ tay nghề cao để ứng dụng nhanh nhạy những tiến bộ của khoa học kỹ thuật. Chất lượng đào tạo của trường luôn được nhà trường quan tâm và đặt là mục tiêu hàng đầu với việc chú trọng đổi mới ứng dụng phương pháp dạy và học cùng với giáo trình học tập đáp ứng được yêu cầu của thực tế trong tình hình mới. Với phương châm “Đào tạo nghề khi xác định được việc làm cho người lao động” và “Tăng cường đào tạo nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp”, nhà trường luôn đẩy mạnh công tác bồi dưỡng giảng viên, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, đầu tư các thiết bị, mô hình dạy học, tích cực tham gia các hội thi giảng viên dạy nghề.

Trải qua nhiều năm thành lập cả hai trường Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng và Trường Trung cấp nghề Cao Bằng đã đào tạo, bồi dưỡng nhiều học sinh, sinh viên và học viên, đóng góp quan trọng cho nguồn nhân lực chất lượng của tỉnh Cao Bằng.

Sự sáp nhập và tổ chức lại của hai trường đánh dấu bước phát triển mới của giáo dục nghề nghiệp tỉnh Cao Bằng, hướng đến một mô hình đào tạo hiện đại, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thực tiễn và thị trường lao động.

1.3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường (tính đến 30/11/2025)

Cơ cấu tổ chức của Trường gồm có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng, 10 đơn vị trực thuộc với 03 phòng, 06 khoa, 02 trung tâm. Các tổ chức đảng, đoàn thể trong Trường gồm: Đảng bộ bộ phận Trường và các chi bộ trực thuộc; Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội SV, Hội Khuyến học, Hội Chữ thập đỏ.

Tổng số viên chức, người lao động hiện nay gồm: 117 người. Trong đó: LĐT: 03 người, Giảng viên, giáo viên cơ hữu: 97 người; Nhân viên: 10 người; Hợp đồng lao động theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP: 10 người. Về trình độ: có 53 Thạc sĩ và 44 Đại học, đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy các ngành nghề hiện có. Đội ngũ giảng viên được trẻ hóa, có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm giảng dạy đa dạng ở các lĩnh vực sư

phạm, khoa học xã hội và các lĩnh vực kỹ thuật, nông nghiệp, cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành của nhà trường.

Năm học 2025-2026, tổng số HSSV hệ chính quy đang học tại trường là 1438 người (trong đó có 300 SV ngành Tiếng Trung Quốc, 107 SV ngành Giáo dục Mầm non, 1031 HS hệ Trung cấp nghề).

1.4. Cơ sở vật chất, thư viện

1.4.1. Cơ sở vật chất

Sau khi tổ chức lại Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng và Trường Trung cấp nghề Cao Bằng, Trường Cao đẳng Cao Bằng hiện có tổng diện tích đất sử dụng 194.580 m², với tổng giá trị tài sản khoảng hơn 576 tỷ đồng. Được bố trí tại 03 cơ sở, cụ thể:

Cơ sở của TCN cũ (nay là Trụ sở chính và Cơ sở đào tạo 2): Tổng diện tích 152.300 m². Bao gồm 2 cơ sở với hệ thống nhà hiệu bộ, giảng đường, ký túc xá, nhà ăn và đặc biệt là hệ thống nhà xưởng, hệ thống Nông Lâm kết hợp (R-V-A-C-R) phục vụ thực hành đa dạng cho các khối ngành kỹ thuật và nông nghiệp. Một số hạng mục tại cơ sở 2 hiện nay đã xuống cấp cần được sửa chữa.

Cơ sở cũ CĐSP cũ (nay là Cơ sở đào tạo 1): Tổng diện tích 42.280 m². Bao gồm 19 công trình với hệ thống nhà lớp học, nhà hiệu bộ, thư viện, nhà đa năng, hội trường, ký túc xá và nhà công vụ. Tuy nhiên, một số công trình như Nhà làm việc cũ (Nhà H) và Ký túc xá 4 tầng (Nhà N) đã bị hỏng, không đáp ứng yêu cầu sử dụng.

1.4.2. Thư viện

Thư viện của trường được bố trí tại khu nhà học chính cơ sở 01, có không gian rộng rãi, thoáng mát, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và học sinh, sinh viên. Hiện nay, thư viện có trên 5.000 đầu sách thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như khoa học kỹ thuật, kinh tế, xã hội, giáo dục và pháp luật, tuy nhiên các đầu sách chuyên ngành tiếng Trung Quốc còn hạn chế, chưa có thư viện điện tử..... Ngoài ra, thư viện được trang bị máy tính kết nối Internet, giúp người học dễ dàng tra cứu tài liệu điện tử và học liệu mở. Nhà trường thường xuyên bổ sung, cập nhật giáo trình mới và từng bước chuyển đổi sang thư viện số, phục vụ hiệu quả công tác giảng dạy và học tập.

1.4.3. Tài chính

Trường Cao đẳng Cao Bằng sau tổ chức lại được xác định là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động (nhóm 3). Cơ cấu tài chính của trường là sự kết hợp giữa hai mô hình tự chủ khác nhau:

Trường CĐSP: Là đơn vị tự chủ nhóm III, tự đảm bảo từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên, nguồn thu chủ yếu từ ngân sách Nhà nước và học phí.

Trường TCN: Là đơn vị tự chủ nhóm II, tự bảo đảm chi thường xuyên. Nguồn thu đa dạng hơn, bao gồm ngân sách cấp cho các chính sách, chương trình mục tiêu và nguồn thu sự nghiệp lớn từ các hoạt động dịch vụ như đào tạo, dạy nghề, cho thuê cơ sở vật chất...

Việc kết hợp hai nguồn tài chính này tạo ra một nền tảng tài chính vững mạnh hơn cho trường mới, vừa đảm bảo nguồn ngân sách ổn định cho các nhiệm vụ chính

trị, vừa có nguồn thu sự nghiệp linh hoạt để tái đầu tư và nâng cao thu nhập cho người lao động.

2. Thông tin khái quát về Khoa Ngôn ngữ ngữ phụ trách CTĐT

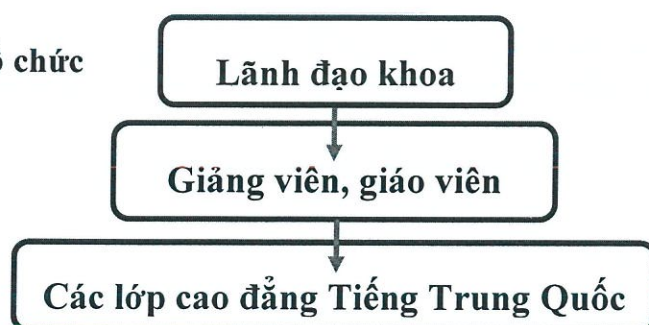
Trước khi sáp nhập, Khoa Ngôn ngữ tiền thân là Tổ TLGD-CT-NN được thành lập từ năm 2001 trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng gồm có 03 nhóm môn: Tâm lý giáo dục; Chính trị; Ngoại ngữ (Tiếng Trung Quốc và Tiếng Anh) là đơn vị phụ trách giảng dạy các bộ môn Tâm lý – Giáo dục, Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo dục chính trị và Ngoại ngữ (tiếng Anh và tiếng Trung Quốc) cho các hệ đào tạo trong trường. Từ năm học 2016-2017 đến nay, nhà trường giao nhiệm vụ quản lý công tác đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc, trình độ cao đẳng theo Giấy chứng nhận số 125/2017/GCNĐKHĐ-TCDN của Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ LĐTBXH về đăng ký hoạt động GDNN cho ngành Tiếng Trung Quốc với quy mô tuyển sinh 100 SV/năm. Sau khi sáp nhập, Trường Cao đẳng Cao Bằng ban hành Quyết định số 78/QĐ-CĐCB, ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc ban hành quy định, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, trung tâm trực thuộc Trường Cao đẳng Cao Bằng.

Sau khi sáp nhập, Trường Cao đẳng Cao Bằng ban hành Quyết định số 78/QĐ-CĐCB, ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc ban hành quy định, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, trung tâm trực thuộc Trường Cao đẳng Cao Bằng. Khoa Ngôn ngữ có 10 GV với 04 nhóm môn: Ngữ văn, Tiếng dân tộc Tày, Tiếng Trung Quốc và Tiếng Anh (trong đó có 01 GV giảng dạy môn Tiếng Việt, Tiếng dân tộc Tày, 02 GV giảng dạy môn Tiếng Anh, 07 GV giảng dạy các môn chuyên ngành Tiếng Trung Quốc. Giảng viên chuyên ngành trực tiếp đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc gồm 05 người có trình độ chuyên môn Thạc sĩ, 02 người có trình độ chuyên môn Cử nhân, đội ngũ GV được đào tạo tại các cơ sở giáo dục trong nước và nước ngoài, có kinh nghiệm chuyên môn trong giảng dạy ngôn ngữ tiếng Trung Quốc.

Từ khóa tuyển sinh năm 2016 đến nay, Khoa Ngôn ngữ đã quản lý công tác đào tạo được 07 khóa SV chuyên ngành Tiếng Trung Quốc tốt nghiệp ra trường đảm bảo nguồn lao động có chất lượng cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Hiện nay có 3 khóa (K23, K24, K25) đang học tập tại trường với tổng số 9 lớp gồm 300 SV. Đơn vị đã tham mưu cho nhà trường các nội dung có liên quan đến công tác đào tạo như hợp tác với các doanh nghiệp có sử dụng Tiếng Trung Quốc trong đánh giá CTĐT, thỏa thuận hợp tác trong việc đưa SV thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp và 90% SV sau khi ra trường được tuyển dụng làm việc tại các doanh nghiệp.

Nhiều năm qua, tập thể đơn vị đã có nhiều cố gắng và đạt được nhiều thành tích được cấp trên ghi nhận như: 02 năm liền được đánh giá là tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được biểu dương trong các phong trào thi đua hàng năm, các hoạt động của nhà trường, của đoàn thanh niên đều được khen thưởng đạt nhiều thành tích trong hoạt động phong trào.

2.1. Cơ cấu tổ chức



+ Đội ngũ nhà giáo của đơn vị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Giảng dạy bộ môn
1	Nông Thị Mai Sơn	Bí thư chi bộ 2, Trưởng khoa, Giảng viên chính	Thạc sĩ	Tiếng Việt, tiếng dân tộc Tày
2	Bế Thị Hạnh	Phó trưởng khoa	Thạc sĩ	Tiếng Trung Quốc
3	Hứa Hạnh Duyên	CVHT, Giảng viên	Thạc sĩ	Tiếng Anh
4	Lương Tuyết Mai	Giáo viên	Cử nhân	Tiếng Anh
5	Lương Văn Phước	Giảng viên	Thạc sĩ	Tiếng Trung Quốc
6	Trần Thị Thơ	Giảng viên	Thạc sĩ	Tiếng Trung Quốc
7	Đặng Thuỳ Biên	Giảng viên	Thạc sĩ	Tiếng Trung Quốc
8	Sào Mùi Lưu	Giảng viên	Cử nhân	Tiếng Trung Quốc
9	Phạm Thu Trang	Giảng viên	Thạc sĩ	Tiếng Trung Quốc
10	Lương Thị Thoa	Giảng viên	Cử nhân	Tiếng Trung Quốc

+ Khoa gồm 04 bộ môn: Ngữ văn, Tiếng dân tộc Tày, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Anh. Khoa thuộc chi bộ 2, Đảng Bộ BP trường CĐCB.

+ Cơ sở vật chất: Có 03 văn phòng và các trang thiết bị do nhà trường cung cấp phục vụ cho công tác chuyên môn của đơn vị.

+ Cơ cấu các khoá SV đang đào tạo: Hiện khoa đang đào tạo 03 khoá SV chuyên ngành tiếng Trung Quốc, mỗi khoá gồm 03 lớp, cụ thể:

TT	Lớp	Tổng số SV năm học 2025-2026	Ghi chú
1	Tiếng Trung Quốc K23A	32	
2	Tiếng Trung Quốc K23B	33	
3	Tiếng Trung Quốc K23C	29	
4	Tiếng Trung Quốc K24A	35	
5	Tiếng Trung Quốc K24B	30	
6	Tiếng Trung Quốc K24C	33	
7	Tiếng Trung Quốc K25A	36	
8	Tiếng Trung Quốc K25B	35	
9	Tiếng Trung Quốc K25C	37	
Cộng		300	

2.2. Chức năng nhiệm vụ

Khoa Ngôn ngữ tiếp tục thực hiện các chức năng nhiệm vụ được giao từ trước và sau sáp nhập trường

2.2.1. Chức năng

Khoa Ngôn ngữ có chức năng tổ chức thực hiện đào tạo trình độ cao đẳng ngành Tiếng Trung Quốc, Tiếng Anh; bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số; gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học theo quy định của Hiệu trưởng. Quản lý hoạt động dạy và học đối với các học phần do khoa phụ trách.

Tổ chức nghiên cứu khoa học; đổi mới phương pháp dạy và học để đảm bảo mục tiêu đào tạo của nhà trường; tổ chức biên soạn và đánh giá các chương trình đào tạo của khoa và theo sự phân công của nhà trường.

2.2.2. Nhiệm vụ

(1) Tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập các bộ môn thuộc Khoa và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của trường.

(2) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, phát triển chương trình đào tạo và cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

(3) Tổ chức nghiên cứu khoa học, các hội thảo khoa học của Khoa, phối hợp với các khoa trường, doanh nghiệp nghiên cứu điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội.

(4) Quản lý các bộ môn, giảng viên và người học thuộc Khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng; quản lý nội dung, chương trình và chất lượng đào tạo, tổ chức cho sinh viên của Khoa đi thực hành, học tập tại cơ sở, tổ chức lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chương trình đào tạo..

(5) Tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình môn học do Hiệu trưởng giao; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập.

(6) Xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố.

(7) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho viên chức và người học trong Khoa; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho viên chức thuộc khoa.

(8) Tham mưu xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung, bảo trì cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và công tác của Khoa; quản lý tài sản, trang thiết bị của Khoa.

(9) Tổ chức đánh giá xếp loại viên chức, giảng viên trong Khoa; tham gia đánh giá cán bộ quản lý cấp trên, cán bộ quản lý ngang cấp theo quy định của Trường.

(10) Xây dựng kế hoạch, tổ chức các phong trào thi đua của Khoa; thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật đối với viên chức và người học thuộc Khoa theo quy định của Nhà nước và của Trường.

(11) Quản lý sinh viên của Khoa; phối hợp với Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên đánh giá xếp loại học tập, điểm rèn luyện của sinh viên và thực hiện chế độ chính sách xã hội đối với sinh viên.

ĐÀO TẠO
TRƯỜNG
ĐÀO TẠO
CAO ĐẲNG
ĐS

(12) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao; thực hiện công tác báo cáo theo quy định.

2.3. Phối hợp giữa các đơn vị trong thực hiện CTĐT

Trong quá trình triển khai chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Tiếng Trung Quốc, Khoa Ngôn ngữ đóng vai trò là đơn vị đầu mối, chủ trì phối hợp với các khoa chuyên môn Khoa Kinh tế - Khoa học cơ bản, Khoa Điện - Điện tử - Tin học, và Khoa Sư phạm thực hiện xây dựng CTĐT đối với các môn học chung và các môn học cơ sở như *Giáo dục chính trị, Pháp luật, Giáo dục thể chất, Tin học đại cương và Giáo dục kỹ năng*. Đối với môn học Giáo dục Quốc phòng & An ninh, Khoa thực hiện việc phối hợp với Phòng Đào tạo và CTHSSV quản lý học tập của NH tại Trường Quân sự Quân khu I theo kế hoạch chung của Nhà trường.

Sự phối hợp giữa các đơn vị được thực hiện dựa trên quy trình quản lý đào tạo thống nhất, từ khâu sắp xếp thời khóa biểu đến việc trao đổi về phương pháp đánh giá học phần. Việc kết nối này đảm bảo các môn học chung, các môn chuyên môn đáp ứng đúng các quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng và nhà trường mà còn hỗ trợ hiệu quả cho năng lực tư duy, kỹ năng mềm và đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành Tiếng Trung Quốc. Qua công tác giám sát hằng năm, các đơn vị phối hợp luôn đảm bảo giảng dạy đúng tiến độ và nội dung theo chương trình chi tiết môn học, trực tiếp góp phần hoàn thiện các Chuẩn đầu ra về năng lực tổng hợp của người học theo đúng cam kết của CTĐT.

3. Thông tin về Chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Tiếng Trung Quốc
- Mã ngành: 6220209
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Mục tiêu đào tạo: Chương trình đào tạo cử nhân thực hành Tiếng Trung Quốc nhằm đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt, có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và sử dụng thành thạo ngôn ngữ Tiếng Trung Quốc (nghe, nói, đọc, viết, dịch) đáp ứng với sự phát triển của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Hiện nay CTĐT ngành Tiếng Trung Quốc được thực hiện theo các quy định tổ chức đào tạo trong Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun; Chương trình đào tạo được xây dựng theo Thông tư số 01/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Chương trình gồm 6 môn học chung theo chương trình của Bộ lao động ban hành, 03 môn học cơ sở, 28 môn học chuyên môn, 03 môn tự chọn, giáo dục quốc phòng và thực tập tốt nghiệp theo quy định. Các môn học đảm bảo trang bị cho NH những kiến thức khoa học xã hội và nhân văn làm nền tảng cho việc học tập và sử dụng ngôn ngữ Tiếng Trung Quốc trong thực tiễn. Kết thúc khóa học NH có năng lực áp dụng kiến thức về lý thuyết dịch và kỹ thuật dịch để thực hiện các nhiệm vụ biên dịch, phiên dịch cho các hoạt động du lịch, kinh doanh thương mại, văn phòng.....

Nội dung khung chương trình và kế hoạch đào tạo đang thực hiện:

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mã số môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Số giờ			Học kỳ					
					LT	TH	KT	1	2	3	4	5	6
I. Các môn học chung													
1	Giáo dục Chính trị	MH01	4	75	41	29	5	75					
2	Pháp luật	MH02	2	30	18	10	2				30		
3	Giáo dục thể chất	MH03	2	60	5	51	4			60			
4	Giáo dục Quốc phòng & AN	MH04	4	75	36	35	4		75*				

5	Tin học đại cương	MH05	3	75	15	58	2					75	
6	Tiếng Anh	MH06	5	120	42	75	3	60	60				
II. Các môn học chuyên môn													
II.1	Môn học cơ sở												
7	Tiếng Việt thực hành	MH07	2	45	15	28	2		45				
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	MH08	2	45	25	18	2			45			
9	Giáo dục kỹ năng	MH09	3	75	15	57	3			75			
II.2	Môn học chuyên môn												
10	Nói 1	MH10	2	45	10	33	2	45					
11	Nghe 1	MH11	2	45	10	33	2	45					
12	Đọc 1	MH12	2	45	10	33	2	45					
13	Viết 1	MH13	2	45	10	33	2	45					
14	Tiếng Trung sơ cấp 1	MH14	5	90	60	26	4	90					
15	Tiếng Trung sơ cấp 2	MH15	5	90	60	26	4		90				
16	Nói 2	MH16	2	45	10	33	2		45				
17	Nghe 2	MH17	1	30	10	19	1		30				
18	Đọc 2	MH18	2	30	20	9	1		30				
19	Viết 2	MH19	2	45	10	33	2		45				
20	Tiếng Trung trung cấp 1	MH20	5	90	60	26	4			90			
21	Nói 3	MH21	2	45	10	33	2			45			
22	Nghe 3	MH22	1	30	10	19	1			30			
23	Đọc 3	MH23	1	30	10	19	1			30			
24	Viết 3	MH24	2	45	10	33	2			45			
25	Tiếng Trung	MH25	5	90	60	26	4				90		

	trung cấp 2												
26	Nói 4	MH26	2	45	10	33	2				45		
27	Nghe 4	MH27	1	30	10	19	1				30		
28	Viết 4	MH28	2	30	20	9	1				30		
29	Thư tín	MH29	2	45	10	33	2				45		
30	Đất nước học	MH30	2	30	20	9	1					30	
31	Tiếng Trung nâng cao	MH31	2	45	15	28	2					45	
32	Dịch 1	MH32	3	60	15	43	2				60		
33	Dịch 2	MH33	3	60	15	43	2					60	
34	Tiếng Trung văn phòng	MH34	2	30	20	9	1					30	
35	Dịch 3	MH35	2	45	10	33	2						45
II.3	Môn học tự chọn												
36	Tiếng Trung du lịch	MH36	1	30	10	19	1				30		
37	Tiếng Trung thương mại	MH37	1	30	10	19	1						30
38	Từ vựng	MH38	1*	30*	10*	19*	1*						
III	Thực tập tốt nghiệp		8	360		360							360*
IV	Thi tốt nghiệp												
1	Tiếng Trung lý thuyết		2										
2	Tiếng Trung thực hành		3										
V	Khóa luận tốt nghiệp		5*										
	TỔNG		104	2280	747	1452	81	405	345	420	360	240	75
	Số tuần học chính khoá							14	12	15	13	9	3
	Số tuần thi học kỳ							2	2	2	2	2	1

	GD quốc phòng - an ninh (tuần)								2				
	Thực tập tốt nghiệp (tuần)												8
	Ôn và thi tốt nghiệp (tuần)											4	
Tổng số tuần trong học kỳ								16	16	17	15	15	12

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT

1. Tổng quan chung

1.1 Căn cứ tự đánh giá

- Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTĐBXH ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

1.2 Mục đích tự đánh giá

- Tiếp tục duy trì chất lượng đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc trình độ cao đẳng theo các tiêu chuẩn KĐCL CTĐT của Bộ LĐTBXH.
- Nhằm đánh giá chất lượng đào tạo của ngành Tiếng Trung Quốc, qua đó xác định mức độ thực hiện mục tiêu và nội dung chương trình, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, dịch vụ cho NH và các điều kiện dạy - học của GV và SV.
- Xác định mức độ đạt được các tiêu chuẩn, tiêu chí thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí KĐCL CTĐT của Bộ LĐTBXH.
- Từ việc tự đánh giá CTĐT, nhà trường phát hiện các hoạt động đào tạo cần cải tiến, điều chỉnh trong thời gian tới.
- Tự đánh giá chất lượng CTĐT là cơ sở để tiến hành đăng ký đánh giá ngoài.

1.3 Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự đánh giá chất lượng CTĐT.
- Đảm bảo đầy đủ nội dung cần đánh giá, đúng thời gian theo kế hoạch.

1.4 Phương pháp tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá. Hội đồng phân công nhiệm vụ cho các nhóm nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn; đánh giá thực trạng; thu thập minh chứng; phân tích và xử lý minh chứng và viết báo cáo các tiêu chí được phân công.

Thư ký Hội đồng tổng hợp kết quả từ các báo cáo phân tích tiêu chí, tiêu chuẩn do các nhóm cung cấp để lập Dự thảo báo cáo tự đánh giá; Lấy ý kiến các đơn vị liên quan cho Dự thảo báo cáo. Báo cáo tự đánh giá sau khi được chỉnh sửa và bổ sung thông tin cần thiết, trình Hội đồng tự đánh giá.

Hội đồng tự đánh giá họp thông qua báo cáo tự đánh giá, nội dung báo cáo tự đánh giá phải được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng nhất trí thông qua. Trên cơ sở kết quả thông qua của Hội đồng tự đánh giá và các ý kiến đóng góp, Ban Thư ký hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá trình Hiệu trưởng phê duyệt, công bố và nộp báo cáo cho Sở GD&ĐT tỉnh Cao Bằng, Tổng cục GDNN.

1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT thực hiện quy trình tự đánh giá theo đúng hướng dẫn của Tổng cục GDNN, gồm các bước:

- Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự kiểm định
- Bước 2: Thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT của nhà trường.
- Bước 3: Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT
- Bước 4: Thu thập thông tin, minh chứng
- Bước 5: Phân tích, xử lý các thông tin, minh chứng thu được.
- Bước 6: Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng CTĐT.
- Bước 7: Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT. Phê duyệt báo cáo, công bố báo cáo, nộp báo cáo.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSĐT về CTĐT
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn KĐ
Tổng điểm		100	97,5
1	Tiêu chí 1- Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	7,5	7,5
	Tiêu chuẩn 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.	2,5	2,5
2	Tiêu chí 2 - Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình	17,5	17,5
	Tiêu chuẩn 2.1. Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.	2,5	2,5

TT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSĐT về CTĐT
	Tiêu chuẩn 2.2. Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 2.3. Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 2.4. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 2.5. Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 2.6. Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 2.7. Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
3	Tiêu chí 3 - Hoạt động đào tạo	17,5	17,5
	Tiêu chuẩn 3.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 3.2. Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô-đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 3.3. Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập	2,5	2,5

TT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSĐT về CTĐT
	suốt đời.		
	Tiêu chuẩn 3.4. Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 3.5. Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 3.6. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 3.7. Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.	2,5	2,5
4	Tiêu chí 4- Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động	15	15
	Tiêu chuẩn 4.1. Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 4.2. Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 4.3. Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 4.4. Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo	2,5	2,5

TT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSĐT về CTĐT
	Tiêu chuẩn 4.5. Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 4.6. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo	2,5	2,5
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu	15	12,5
	Tiêu chuẩn 5.1. Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 5.2. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 5.3. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 5.4. Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 5.5. Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.	2,5	0

TT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSDT về CTĐT
	Tiêu chuẩn 5.6. Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
6	Tiêu chí 6 - Người học và hoạt động hỗ trợ người học	10	10
	Tiêu chuẩn 6.1. Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 6.2. Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 6.3. Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 6.4. Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.	2,5	2,5
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	17,5	17,5
	Tiêu chuẩn 7.1. Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 7.2. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 7.3. Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển	2,5	2,5

TT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSĐT về CTĐT
	chương trình đào tạo.		
	Tiêu chuẩn 7.4. Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 7.5. Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 7.6. Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
	Tiêu chuẩn 7.7. Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	2,5	2,5

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

TIÊU CHÍ 1: MỤC TIÊU CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Đánh giá tổng quan tiêu chí 1:

Mở đầu

Mục tiêu của CTĐT ngành Tiếng Trung Quốc trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Cao Bằng không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ ngôn ngữ đơn thuần, mà được xác lập như một giải pháp cung ứng nhân lực thực chiến cho khu vực kinh tế cửa khẩu và du lịch trọng điểm của tỉnh.

Nhà trường đã xây dựng bộ CDR dựa trên sự phân tích kỹ lưỡng các vị trí việc làm thực tế tại các doanh nghiệp (DN) sản xuất, xuất nhập khẩu và dịch vụ lữ hành. Điểm khác biệt trong giai đoạn này là sự chuyển dịch từ đào tạo "kiến thức ngôn ngữ" sang đào tạo "năng lực thực hiện", nơi mà mỗi kỹ năng nghe - nói - đọc - viết đều được gắn chặt với ngữ cảnh nghiệp vụ (văn phòng, giao tiếp thương mại, biên dịch tài liệu kỹ thuật). CDR này được công bố minh bạch trên Website, đóng vai trò như một lời cam kết chất lượng của Nhà trường đối với đơn vị sử dụng lao động.

Hàng năm, thông qua các buổi hội thảo và khảo sát sâu, Khoa Ngôn ngữ đã tiếp nhận những phản hồi thực tế từ các DN tại các khu công nghiệp và cửa khẩu. Việc điều chỉnh CTĐT không còn mang tính hình thức mà đã tập trung vào các "điểm nghẽn" của sinh viên mới tốt nghiệp như: thiếu kỹ năng mềm, lúng túng khi soạn thảo văn bản hành chính bằng tiếng Trung và khả năng ứng dụng công nghệ số trong công việc.

** Những điểm mạnh*

Tính tương thích cao: Mục tiêu đào tạo bám sát thực tiễn kinh tế biên mậu của địa phương. Việc đưa vào các học phần như "Tiếng Trung văn phòng" là minh chứng cho sự nhạy bén trước nhu cầu tuyển dụng thực tế.

Cơ chế phản hồi đa chiều: Nhà trường và khoa đã thiết lập được kênh kết nối với các DN trong và ngoài tỉnh để lấy ý kiến điều chỉnh CDR thường xuyên.

Tích hợp năng lực thời đại: CDR đã bước đầu tích hợp được năng lực số và kỹ năng mềm - hai yếu tố mà DN hiện nay coi trọng tương đương với chứng chỉ ngoại ngữ.

** Những tồn tại: Không có*

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Năm 2025 và các năm tiếp theo, đơn vị tiếp tục rà soát điều chỉnh mục tiêu chương trình phù hợp với thực tế phát triển của xã hội theo kế hoạch của nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	7,5
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5

Tiêu chuẩn 1: *Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Mục tiêu chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Tiếng Trung Quốc trình độ Cao đẳng được Khoa Ngôn ngữ xác định rõ ràng, đảm bảo tính nhất quán phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động qua từng giai đoạn. Hiện nay, CTĐT ngành Tiếng Trung Quốc, trình độ cao đẳng được thực hiện theo Thông tư số 03/2017/BLĐTBXH, ngày 01/3/2017 (đối với khóa học 2023- 2026) và Thông tư số 01/2024/BLĐTBXH, ngày 19/02/2024 (từ khóa học 2024-2027) và đều thực hiện các quy định việc tổ chức đào tạo theo niên chế tại thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH, ngày 30/3/2022.

Với chức năng, nhiệm vụ là đơn vị chủ trì việc xây dựng CTĐT, định kì hàng năm, Khoa Ngôn ngữ đã chủ động tổ chức lấy ý kiến từ các nhà tuyển dụng, đơn vị sử dụng lao động và giảng viên chuyên môn để rà soát, đề xuất điều chỉnh mục tiêu CTĐT sát với thực tiễn.

Năm 2023, CTĐT khóa học 2023-2026 đã lựa chọn đổi mới giáo trình môn học Tiếng Anh [1.1.01]. Năm 2024, khoa tổ chức xây dựng CTĐT theo Thông tư số 01/2024/BLĐTBXH, ngày 19/02/2024, một số môn học thuộc môn học chuyên môn giảm số giờ và đưa môn học *Tiếng Trung văn phòng* (30 giờ) vào CTĐT K24 (Khóa học 2024-2027) nhằm trang bị năng lực soạn thảo văn bản và nghiệp vụ văn phòng, giao tiếp thành thạo ngôn ngữ Tiếng Trung Quốc. [1.1.02], [1.1.03], [1.1.04]. Năm 2025, Khoa tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung CTĐT theo kế hoạch của nhà trường đối với K25 (Khóa học 2025-2028) [1.1.05], [1.1.06]; [1.1.07]. CTĐT đã được cắt bỏ 02 môn học trong các môn chuyên môn như: *Ngữ pháp* (30 giờ), *Độc 4* (45 giờ) thay thế môn học *Giáo dục kỹ năng* (75 giờ) vào các môn học cơ sở nhằm rèn luyện và nâng cao kỹ năng mềm cho người học. Trong mục tiêu CTĐT còn bổ sung mục tiêu năng lực số giúp người học có khả năng vận dụng thành thạo các công cụ, nền tảng và phương tiện số trong học tập, nghiên cứu, giao tiếp và làm việc chuyên môn bằng tiếng Trung Quốc [1.1.08], [1.1.09].

Bên cạnh những điểm mạnh về tính chủ động và xác định mục tiêu của CTĐT, Khoa Ngôn ngữ còn lúng túng trong thực hiện quy trình lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng; gặp rào cản về địa lý trong việc kết nối với các doanh nghiệp ở nước ngoài (Trung Quốc) để khảo sát chuyên sâu về chuyên môn.

Trong các năm tiếp theo, Khoa Ngôn ngữ tiếp tục xây dựng kế hoạch tiếp tục rà soát mục tiêu đào tạo, tập trung tích hợp công nghệ số và chủ động mời các chuyên gia từ doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào khâu thẩm định chuẩn đầu ra, nhằm đảm bảo sinh viên tốt nghiệp có năng lực cạnh tranh cao nhất trên thị trường lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố, công khai.*

Mô tả phân tích nhận định:

Chuẩn đầu ra của CTĐT Tiếng Trung Quốc, trình độ cao đẳng được xây dựng theo Quyết định, Thông tư, hướng dẫn của Chính phủ và Bộ Lao động Thương binh và xã hội [1.2.01], [1.2.02], [1.2.03]; nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động và được công bố, công khai đến người học, trên Website của nhà trường.

Trên cơ sở đó, CTĐT cử nhân trình độ cao đẳng ngành Tiếng Trung Quốc của trường Cao đẳng Cao Bằng đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng theo quy định, đáp ứng yêu cầu theo khung trình độ HSK4 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác; đồng thời đào tạo sinh viên có phẩm chất đạo đức tốt, kỹ năng nghề nghiệp, sức khỏe tốt, có tri thức về văn hóa Trung Quốc, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc, có những hiểu biết về lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội Trung Quốc; sau khi tốt nghiệp, sinh viên làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp tuyển dụng của nền kinh tế trong thế giới hội nhập và chịu sự tác động của toàn cầu hoá; ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp có thể học lên bậc học cao hơn để nâng cao trình độ nghề nghiệp.

Năng lực cơ bản chuẩn đầu ra của sinh viên ngành Tiếng Trung Quốc, trình độ cao đẳng được thể hiện trong CTĐT gồm 18 năng lực (đối với K24); 20 năng lực (đối với K25) [1.1.08], [1.1.09] được công bố đến người học và trên trang Website của Nhà trường.

Căn cứ vào quy chế tổ chức, hoạt động của trường, chức năng, nhiệm vụ nhà trường giao, Khoa Ngôn ngữ thực hiện CTĐT ngành Tiếng Trung Quốc, trình độ cao đẳng theo kế hoạch, nội dung, chương trình chi tiết môn học đã ban hành và đảm bảo hoạt động giảng dạy đạt hiệu quả, SV đạt được kỹ năng nghề và mục tiêu đề ra trong CTĐT.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, Trường CĐ Cao Bằng ngày càng chú trọng việc đưa công nghệ số vào công tác quản lý giáo dục, kiểm tra, đánh giá, sử dụng Zalo tạo mã QR, Fakebook, SMS... để chuyển tải, truyền đạt nội dung thông tin và trao đổi chuyên môn đến cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên. Việc sử dụng công nghệ thông tin cũng được các giảng viên lồng ghép vào các giờ giảng làm cho bài giảng sinh động, thu hút sự hứng thú, phát huy sự sáng tạo của người học. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã triển khai bồi dưỡng việc sử dụng công nghệ số tới cán bộ, giảng viên trong toàn trường. [1.3.01].

CTĐT ngành tiếng Trung Quốc mỗi khóa học sinh viên ngành tiếng Trung Quốc được trang bị kiến thức về sử dụng công nghệ thông tin, tích lũy kiến thức về kỹ năng số và năng lực số liên quan đến nghề nghiệp thông qua học học phần tin học với thời lượng 75 tiết người học đạt được chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, người học đáp ứng được yêu cầu công việc khi đi thực tập nghề nghiệp, ra trường làm việc tại các doanh nghiệp sử dụng lao động [1.3.02], [1.1.08], [1.1.09].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 2,5 điểm

TIÊU CHÍ 2: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, GIÁO TRÌNH

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu

Trường Cao đẳng Cao Bằng tổ chức đào tạo theo định hướng phát triển năng lực, bảo đảm chương trình đào tạo và giáo trình được xây dựng phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động và Quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cấu trúc chương trình được thiết kế đầy đủ, logic, phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành theo đặc thù ngành nghề; nội dung dựa trên chuẩn đầu ra và vị trí việc làm, giúp người học chủ động hình thành năng lực nghề nghiệp.

Hệ thống giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn tương ứng 100% mô đun, môn học, chú trọng phát triển kỹ năng nghề, tiếp cận công nghệ và phương pháp giảng dạy hiện đại. Công tác rà soát, cập nhật nội dung đào tạo và giáo trình được triển khai định kỳ, có tham vấn các bên liên quan nhằm nâng cao tính thực tiễn và đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình.

**** Những điểm mạnh***

Chương trình đào tạo được xây dựng đầy đủ và có cấu trúc logic, bảo đảm tính liên thông giữa các mô đun, môn học và phù hợp với chuẩn đầu ra cũng như đáp ứng yêu cầu thực tế của thị trường lao động. Quy trình rà soát, cập nhật chương trình được thực hiện định kỳ với sự tham gia góp ý của doanh nghiệp, chuyên gia ngành nghề và phản hồi từ giảng viên, người học, góp phần nâng cao tính thực tiễn và hiệu quả đào tạo. Hệ thống giáo trình được biên soạn, thẩm định và ban hành đầy đủ 100% cho các mô đun, môn học, đáp ứng yêu cầu triển khai giảng dạy - học tập. Nội dung chương trình và tài liệu giảng dạy chú trọng phát triển kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới, tăng khả năng thích ứng nghề nghiệp của người học sau tốt nghiệp. Đồng thời, các phương pháp dạy học tích cực được áp dụng thường xuyên, góp phần phát triển năng lực toàn diện và hỗ trợ người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

**** Những tồn tại***

Việc tham gia góp ý của doanh nghiệp và đơn vị tuyển dụng trong các đợt rà soát, cập nhật chương trình còn chưa đồng đều giữa các giai đoạn, dẫn đến mức độ phản ánh yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp ở một số nội dung chưa thật sâu sát. Một số kiến thức và công nghệ mới được cập nhật vào chương trình và giáo trình còn hạn chế về chiều sâu và phạm vi bao quát đối với các chuyên đề chuyên ngành. Bên cạnh đó, hệ thống học liệu điện tử và tài liệu tham khảo hỗ trợ chưa thực sự phong phú và chưa đồng bộ giữa các học phần, ảnh hưởng đến khả năng tự học và học mở rộng của người học. Công tác thu thập, theo dõi và lưu trữ minh chứng liên quan đến khảo sát các bên liên quan đôi khi chưa kịp thời, gây khó khăn cho quá trình đánh giá và cải tiến liên tục chương trình đào tạo.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng***

Nhà trường sẽ tiếp tục đẩy mạnh sự phối hợp với doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động thông qua các hoạt động hội thảo, khảo sát và trao đổi chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả tham gia góp ý cho chương trình đào tạo. Nội dung các mô đun, môn học sẽ được rà soát, cập nhật thường xuyên theo xu hướng phát triển của khoa học - công nghệ, đặc biệt tăng cường các nội dung thực hành, chuyên đề chuyên

sâu để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp hiện đại. Đồng thời, trường chú trọng phát triển hệ thống học liệu số, tài liệu tham khảo bổ trợ và học liệu mở cho tất cả các học phần, nhằm nâng cao khả năng tự học và hỗ trợ phương pháp dạy học tích cực. Công tác thu thập, phân tích và minh chứng hóa phản hồi từ các bên liên quan sẽ được chuẩn hóa và ứng dụng công nghệ trong quản lý dữ liệu để đảm bảo tính kịp thời, phục vụ hiệu quả cho hoạt động cải tiến liên tục chương trình đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của người học sau tốt nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí/tiêu chuẩn	Điểm đánh giá
Tiêu chí 2	17,5
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5
Tiêu chuẩn 4	2,5
Tiêu chuẩn 5	2,5
Tiêu chuẩn 6	2,5
Tiêu chuẩn 7	2,5

Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

CTĐT ngành Tiếng Trung Quốc trình độ cao đẳng được thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động thương binh và xã hội như: Thông tư số 03/2017/TT - BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (Đối với K23); Thông tư số 01/2024/TT - BLĐTBXH ngày 19/2/2024 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo (đối với K24, K25); Cấu trúc chương trình được thiết kế logic theo từng giai đoạn học tập, tăng dần mức độ từ đơn giản đến phức tạp về năng lực nghề nghiệp. Chương trình được rà soát, cập nhật định kỳ và tiến hành thẩm định, phê duyệt, ban hành đúng quy định.

Trên cơ sở bám sát nhu cầu thực tế của thị trường và các bên liên quan, hằng năm nhà trường đều chuẩn hóa khung kế hoạch đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc, trình độ cao đẳng cho các khóa tuyển sinh mới. Sự tương thích giữa nội dung giảng dạy và yêu cầu tuyển dụng thực tế là tiêu chí cốt lõi giúp chương trình đào tạo của Nhà trường luôn đáp ứng tốt kỳ vọng của xã hội [1.1.02], [2.1.01], [2.1.02], [1.1.08].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2: Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo được xây dựng và điều chỉnh dựa trên nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, sự phát triển của khoa học - công nghệ và xu hướng đổi mới trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương và ngành nghề đào tạo. Nội dung chương trình thường xuyên được rà soát, cập nhật thông qua tham vấn doanh nghiệp, và phản hồi từ giảng viên, người học nhằm bảo đảm tính hiện đại, thiết thực và phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm. Các mô đun/môn học chuyên môn chú trọng tăng cường kỹ năng thực hành, ứng dụng công nghệ mới và quy trình nghề nghiệp hiện hành, giúp người học thích ứng tốt với môi trường làm việc thực tế. Công tác cập nhật chương trình được thực hiện theo quy trình phê duyệt rõ ràng, đảm bảo thống nhất và hiệu quả trong triển khai. Tuy vậy, một số nội dung công nghệ mới được lồng ghép nhưng chưa sâu rộng. Nhìn chung, chương trình đào tạo đã đáp ứng tốt yêu cầu thay đổi của khoa học - công nghệ và nhu cầu thị trường lao động, đồng thời cần tiếp tục tăng cường sự gắn kết với doanh nghiệp và liên tục cập nhật nội dung để đảm bảo chất lượng đào tạo bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của người học sau tốt nghiệp [1.1.04], [1.1.05], [1.1.07], [1.1.08], [1.1.09], [1.3.02].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên việc xác định nhu cầu của thị trường lao động, yêu cầu của doanh nghiệp sử dụng lao động, quy định của cơ quan quản lý và tham khảo phản hồi của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu sinh viên). Việc xây dựng chuẩn đầu ra được thực hiện phù hợp với Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng [1.2.02] và các Thông tư quy định chuẩn đầu ra theo nghề, đảm bảo người học đạt được năng lực nghề nghiệp cần thiết sau khi tốt nghiệp. Cấu trúc chương trình thể hiện rõ mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và nội dung từng mô đun/môn học; mỗi mô đun đều xác định vị trí, vai trò trong lộ trình hình thành năng lực và đóng góp cụ thể vào việc đạt chuẩn đầu ra chung của chương trình. Các bên liên quan được mời tham gia vào quá trình xây dựng và cập nhật chương trình, góp phần đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng yêu cầu sản xuất - kinh doanh - dịch vụ hiện nay. Nhìn chung, chương trình đào tạo đã được thiết kế có căn cứ khoa học và thực tiễn, thể hiện rõ sự gắn kết giữa mục tiêu đào tạo - chuẩn đầu ra - nội dung môn học, bảo đảm người học tích lũy năng lực theo tiến trình và đáp ứng tốt yêu cầu nghề nghiệp sau tốt nghiệp [1.1.04], [1.1.05], [1.1.07], [1.1.08], [1.1.09], [1.3.02].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, Chương trình đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc, trình độ cao đẳng, Trường Cao đẳng Cao Bằng đã và đang thực hiện theo Thông tư số 03/2017/TT –

BLĐTBXH (đối với K23), Thông tư số 01/2024/TT - BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (đối với K24, K25) [1.1.04], [1.1.05], [1.1.07], [1.1.08], [1.1.09], [1.3.02].

Hàng năm nhà trường thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật định kỳ theo yêu cầu thay đổi từ thực tiễn sản xuất, kinh doanh, công nghệ và nhu cầu nhân lực của địa phương. Quy trình cải tiến chương trình được thực hiện có cấu trúc rõ ràng, dựa trên ý kiến tham vấn doanh nghiệp, chuyên gia, giảng viên, người học và cựu sinh viên, đồng thời tuân thủ quy định của cơ quan quản lý Nhà nước. Các kết quả khảo sát, đánh giá sau đào tạo được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh nội dung môn học, tăng cường kỹ năng thực hành, cập nhật công nghệ mới và đảm bảo tính hiện đại của chương trình. Công tác cập nhật chú trọng đảm bảo tính liên thông giữa các mô đun, tăng khả năng đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu của thị trường lao động. Nhìn chung, chương trình đào tạo được cải tiến thường xuyên và có hệ thống, góp phần nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của người học sau tốt nghiệp; đồng thời cần tiếp tục đẩy mạnh cơ chế thu thập dữ liệu phản hồi và tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình cải tiến chương trình để bảo đảm tính cập nhật và phù hợp lâu dài [1.1.02], [2.1.01], [2.1.02], [1.1.08].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo được biên soạn hoặc lựa chọn dựa trên nội dung chi tiết đã được phê duyệt, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra và cập nhật kiến thức, công nghệ hiện hành. Quy trình biên soạn - thẩm định - ban hành giáo trình được thực hiện theo đúng Thông tư số 03/2017/TT - BLĐTBXH, Thông tư số 01/2024/TT - BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các quy định của nhà trường, với sự tham gia của hội đồng chuyên môn nhằm bảo đảm tính khoa học, sư phạm và tính thực tiễn. Tỷ lệ giáo trình đáp ứng yêu cầu đạt 100% đối với toàn bộ mô đun, môn học, đồng thời được cung cấp đầy đủ đến giảng viên và người học dưới nhiều hình thức như bản in, tài liệu số, học liệu điện tử để phục vụ hiệu quả cho giảng dạy và tự học. Việc rà soát và cập nhật giáo trình được thực hiện định kỳ hoặc khi có thay đổi về công nghệ, kỹ thuật nghề, nhằm nâng cao chất lượng và khả năng áp dụng. Nhìn chung, hệ thống giáo trình của chương trình đào tạo bảo đảm đầy đủ, phù hợp và đáp ứng yêu cầu triển khai đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và hiệu quả học tập của người học [2.5.01], [2.5.02], [2.5.03], [2.5.04].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình của các mô-đun, môn học được biên soạn bám sát nội dung chương trình đào tạo và cụ thể hóa rõ ràng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng theo đúng quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cấu trúc giáo trình thể hiện đầy đủ mục tiêu,

nội dung chi tiết, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, hoạt động thực hành và tiêu chí đánh giá kết quả học tập, giúp giảng viên dễ dàng triển khai các phương pháp dạy học tích cực, chú trọng phát triển năng lực nghề nghiệp của người học. Nội dung giáo trình cập nhật kiến thức công nghệ mới và yêu cầu thực tế sản xuất, dịch vụ, đảm bảo tính gắn gũi với môi trường lao động và hỗ trợ người học vận dụng hiệu quả sau tốt nghiệp. Việc bố trí bài tập tình huống, thực hành và đánh giá theo năng lực giúp gia tăng kỹ năng nghề, phát triển tư duy và thái độ làm việc chuyên nghiệp. Nhìn chung, hệ thống giáo trình đã cụ thể hóa tốt yêu cầu của chương trình đào tạo và tạo điều kiện triển khai phương pháp dạy học hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu của ngành, nghề tại địa phương và thị trường lao động [2.5.01], [2.5.02], [2.5.03], [2.5.04].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7: *Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình của các mô-đun, môn học được nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá và cập nhật định kỳ theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH, đảm bảo sự đồng bộ và phù hợp với thay đổi của chương trình đào tạo và yêu cầu thực tiễn của nghề nghiệp. Quy trình cải tiến giáo trình được thực hiện có sự tham gia của hội đồng chuyên môn, giảng viên và đại diện doanh nghiệp, nhằm kịp thời điều chỉnh nội dung, bổ sung công nghệ mới, phương pháp giảng dạy, bài tập thực hành và tiêu chí đánh giá theo hướng phát triển năng lực. Các kết quả khảo sát người học, cựu sinh viên và đơn vị sử dụng lao động được sử dụng làm căn cứ quan trọng để cập nhật giáo trình đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và sự tiến bộ khoa học - công nghệ. Tài liệu sau cập nhật được phổ biến đầy đủ đến giảng viên và người học, hỗ trợ hiệu quả quá trình giảng dạy và tự học. Nhìn chung, công tác rà soát và cải tiến giáo trình được triển khai thường xuyên, góp phần duy trì tính hiện đại và phù hợp của học liệu, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực cạnh tranh của người học sau tốt nghiệp [1.1.04], [1.1.05], [1.1.07], [1.1.08], [1.1.09], [1.3.02].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 2,5 điểm

TIÊU CHÍ 3: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Đánh giá tổng quan tiêu chí 3:

Mở đầu

Năm học 2025-2026, Khoa Ngôn ngữ có 10 GV, trong đó có 02 VCQL, 08 GV. 100% GV tham gia giảng dạy đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. GV giảng dạy chuyên ngành Tiếng Trung Quốc có 07 GV. Tất cả các môn học thuộc CTĐT có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số NH/lớp và tỉ lệ quy đổi NH/GV theo quy định. Hằng năm, nhà trường khuyến khích GV cơ hữu tham gia các khoá học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao trình độ và đưa SV đến cơ sở thực tập theo hợp đồng. Công tác thanh kiểm tra được nhà trường thực hiện thường xuyên. GV tích cực tham gia phong trào thi đua như thao giảng cấp trường, tổ chức ngoại khóa cho SV, qua đó rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

**** Những điểm mạnh:***

100% viên chức quản lý và GV tham gia giảng dạy đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

100% viên chức quản lý và GV của Tổ không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

GV tham gia giảng dạy ngành đào tạo Tiếng Trung Quốc đều tham gia NCKH và tự bồi dưỡng để nâng cao mục tiêu chất lượng đào tạo của nhà trường.

Đảm bảo tất cả các môn học thuộc CTĐT có đủ GV đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số NH/lớp và tỉ lệ quy đổi NH/GV theo quy định.

**** Những tồn tại:***

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch và tổ chức cho GV cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Tỉ lệ GV viết bài đăng báo, tạp chí trong và ngoài nước chưa cao.

Tỉ lệ GV cơ hữu chưa đồng đều trong các khoa.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Nhà trường tiếp tục tổ chức cho GV cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng và đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Khuyến khích GV tham gia NCKH, viết bài đăng báo, tạp chí trong và ngoài nước.

Nhà trường tiếp tục tuyển mới một số GV có trình độ sau đại học bộ môn tiếng Trung Quốc nhằm nâng cao đội ngũ, chất lượng đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	17,5
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5
Tiêu chuẩn 4	2,5

Tiêu chuẩn 5	2,5
Tiêu chuẩn 6	2,5
Tiêu chuẩn 7	2,5

Tiêu chuẩn 1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Thực hiện công tác tuyển sinh năm 2025 theo chỉ tiêu được Bộ LĐTĐXH cấp Giấy chứng nhận tuyển sinh và đào tạo theo quy định [3.1.01], chỉ tiêu tuyển sinh được UBND tỉnh và Sở GD&ĐT giao hàng năm [3.1.02]. Từ đầu năm học, nhà trường xây dựng quy chế tuyển sinh, kế hoạch, thông báo tuyển sinh đầy đủ các thông tin: mã ngành, chỉ tiêu, hình thức đào tạo, đối tượng, trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký xét tuyển, thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tuyển sinh vào ngành đào tạo [3.1.03]. Quá trình tổ chức, thực hiện kế hoạch tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ LĐTĐXH và Bộ GD&ĐT. Hằng năm, công tác báo cáo kết quả tuyển sinh đảm bảo kịp thời, theo quy định.

Hình thức tuyển sinh được thực hiện đa dạng, phổ biến theo nhiều kênh thông tin khác nhau như: Thông báo tuyển sinh thông báo rộng rãi trên các phương tiện truyền thông như Website, Fanpage, bảng tin nội bộ của Trường; gửi thông báo đến các cơ sở GD&ĐT trong tỉnh Cao Bằng, phát tờ rơi quảng cáo trong đợt thi THPT quốc gia.

Tham gia Phiên giao dịch việc làm tại các xã, Phường trong tỉnh, phát tờ rơi, tư vấn tuyển sinh trực tiếp giúp cho thí sinh và phụ huynh lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo nhằm phát huy năng lực và sở trường của người học.

Hằng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh theo quy định [3.1.04].

Để xét tuyển thí sinh trúng tuyển ngành tiếng Trung Quốc, nhà trường sử dụng hình thức xét tuyển kết quả học tập lớp 12 của thí sinh với 06 mã tổ hợp môn học. Hồ sơ đăng ký xét tuyển, thí sinh trúng tuyển nhập học được quy định, thông báo rõ ràng. Kết quả xét thí sinh trúng tuyển được Hội đồng tuyển sinh tổ chức xét tuyển, ra quyết định. Hồ sơ thí sinh trúng tuyển nhập học được Ban Thư ký kiểm tra rà soát đầy đủ và đúng quy chế [3.1.05].

Tổng hợp kết quả tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Tiếng Trung Quốc năm 2025 như sau:

TT	Năm tuyển sinh	Chỉ tiêu được giao	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	2025	100	108	108%

Như vậy, kết quả tuyển sinh năm 2025 của nhà trường đạt chỉ tiêu theo kế hoạch được giao.

Những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh, đẩy mạnh công tác truyền thông đa kênh về tuyển sinh ngành học tiếng Trung Quốc bằng nhiều hình thức, phong phú, đa dạng, thường xuyên, liên tục. Đồng thời tích cực tổ chức hoạt

động tư vấn tuyển sinh kịp thời, phù hợp, tạo sự hấp dẫn, thu hút NH, sự quan tâm của xã hội. Tiếp tục khảo sát, tìm hiểu nhu cầu tuyển dụng lao động của SV sau khi tốt nghiệp, ra trường tại cơ quan, doanh nghiệp trong tỉnh và các khu công nghiệp nước ngoài đang hoạt động trong nước.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo ngành tiếng Trung Quốc tại trường Cao đẳng Cao Bằng được triển khai với các phương pháp đào tạo đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đặc thù của từng mô đun, môn học, đồng thời hướng tới việc đạt được mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình.

Năm học 2025 - 2026 chương trình đào tạo chuyên ngành tiếng Trung Quốc được thực hiện như sau:

Khóa học Cao đẳng tiếng Trung Quốc K23: Thực hiện theo khung chương trình đào tạo và chương trình đào tạo theo thông tư số: 03/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ chung cấp, trình độ cao đẳng; Tổ chức đào tạo theo thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Thực hiện đào tạo theo quyết định số 370/QĐ-CĐSP ngày 30 tháng 09 năm 2022 của trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính qui ngành tiếng Trung Quốc. [1.3.02], [1.1.07], [3.3.01].

Khóa học Cao đẳng tiếng Trung Quốc K24: Thực hiện theo thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH Thông tư Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thực hiện đào tạo theo chương trình đào tạo ngành cao đẳng tiếng Trung Quốc từ khóa 24 (2024 - 2027) của trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng và theo khung kế hoạch đào tạo trình độ cao đẳng ngành tiếng Trung Quốc áp dụng cho khóa học 2024 - 2027 của trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng [1.1.04], [1.1.05], [1.1.07].

Khóa học Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25: Thực hiện theo khung chương trình đào tạo và chương trình đào tạo theo thông tư Số: 01/2024/TT-BLĐTBXH Thông tư Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thực hiện đào tạo theo khung kế hoạch đào tạo trình độ cao đẳng ngành tiếng Trung Quốc áp dụng cho khóa học 2025 - 2028 của trường Cao đẳng Cao Bằng [1.1.07], [1.1.08], [1.1.09].

Nhìn chung, việc vận dụng phương pháp đào tạo phù hợp đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và hỗ trợ sinh viên đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và năng lực nghề nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tiêu chuẩn này nhấn mạnh yêu cầu các hoạt động dạy và học phải phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm của người học, đồng thời thúc đẩy rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và tinh thần học tập suốt đời.

Chương trình đào tạo ngành tiếng Trung Quốc đã xây dựng được hệ thống hoạt động học tập phong phú, gắn với đặc thù của ngành. Đầu năm học nhà trường đã ban hành kế hoạch đào tạo năm học 2025 - 2026 [3.3.01]. Hơn nữa, đối với từng khóa học của chuyên ngành tiếng Trung Quốc đều áp dụng với khung chương trình đào tạo riêng [1.3.02], [1.1.04], [1.1.09].

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên thường xuyên tổ chức các hoạt động giao tiếp theo cặp/nhóm, thảo luận tình huống, thuyết trình, luyện tập phát âm - hội thoại, làm dự án về văn hóa Trung Quốc, trình bày sản phẩm học tập hoặc phân tích lỗi biên - phiên dịch. Những hoạt động này giúp sinh viên chủ động tiếp cận kiến thức, tăng cường tương tác, phát triển năng lực diễn đạt tiếng Trung và khả năng làm việc nhóm [3.3.02].

Khoa Ngôn ngữ đặc biệt quan tâm đến việc kiểm tra công tác đào tạo, hàng năm giảng viên trong Khoa tham gia thao giảng theo kế hoạch của trường, Khoa. Tất cả các bài giảng tham gia thao giảng đều sử dụng công nghệ thông tin, công nghệ số linh hoạt [3.3.03]. Ngoài ra, Khoa còn thực hiện kiểm tra hồ sơ chuyên môn theo định kỳ, mỗi học kỳ kiểm tra hồ sơ chuyên môn 1 lần [3.3.04].

Trong học kỳ I vừa qua, đoàn kiểm tra của Trường đã tiến hành kiểm tra nội bộ về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch đào tạo Khoa Ngôn ngữ và được đánh giá tốt [3.3.05].

Nhìn chung, chương trình đã đáp ứng tương đối tốt tiêu chuẩn này với nhiều hoạt động thiết thực, hỗ trợ quá trình hình thành năng lực tự học, làm việc độc lập và hợp tác. Để phát huy hiệu quả cao hơn, mỗi giảng viên cần tự bồi dưỡng về kỹ thuật dạy học tích cực, đa dạng hóa hoạt động nhóm sâu hơn về chuyên môn. Ngoài ra, các lớp hoặc các khóa học có thể thành lập các câu lạc bộ học tập tiếng Hán như “Đôi bạn cùng tiến”, câu lạc bộ “yêu thích tiếng Trung”, câu lạc bộ “phiên dịch viên Tiếng Trung”, nhằm tăng tính kỹ năng tự học, hỗ trợ lẫn nhau trong học tập, phát triển bền vững năng lực ngôn ngữ và nghề nghiệp của sinh viên trong lĩnh vực tiếng Trung Quốc.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc.

Mô tả, phân tích, nhận định:

CTĐT ngành Tiếng Trung Quốc có 9 tuần thuộc học kỳ VI để SV thực hiện nhiệm vụ thực tập tốt nghiệp. Mục đích của hoạt động thực tập nhằm rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ Tiếng Trung thông qua các hoạt động phiên dịch, giao dịch, hướng dẫn viên, viết văn bản bằng tiếng Trung Quốc và tham gia các quy trình sản xuất tại các công ty, doanh nghiệp có sử dụng tiếng Trung Quốc.



Để giúp SV có môi trường học tập, trải nghiệm thực tiễn, Nhà trường đã phối hợp với một số cơ quan đơn vị trong và ngoài tỉnh để đưa SV đến thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động.

Hằng năm, căn cứ vào biên chế, kế hoạch năm học và yêu cầu của cơ sở thực tập đối với SV, nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thực tập tốt nghiệp cho sinh viên [3.4.01].

Chuẩn bị cho đợt thực tập, nhà trường đi tiên trạm, khảo sát tại cơ sở dự kiến đưa SV đến thực tập để tìm hiểu và xác nhận cơ sở thực tập đáp ứng đủ điều kiện và phù hợp với CTĐT của nhà trường; Lập kế hoạch, ra quyết định danh sách đoàn thực tập

Nội dung thực tập được nhà trường xây dựng và gửi các cơ sở thực tập để phối hợp thực hiện. Theo đó, SV có cơ hội tìm hiểu thực tế, tham gia quy trình thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, các loại hồ sơ sổ sách liên quan đến lĩnh vực thực tập, tiếp xúc khách hàng và biên dịch, phiên dịch dưới sự điều hành và giám sát của người hướng dẫn thực tập.

Sau khi kết thúc đợt thực tập SV xin ý kiến đánh giá, xác nhận của đơn vị sử dụng lao động và nộp hồ sơ thực tập để nhà trường tổng hợp, báo cáo tổng kết công tác thực tập [3.4.02].

Trong những năm tiếp theo, nhà trường cần liên hệ các cơ sở thực tập để 100% SV được đi thực tập tại doanh nghiệp có sử dụng Tiếng Trung Quốc và sắp xếp thời gian thực tập với hoạt động ôn và thi tốt nghiệp hợp lý để SV có thể đi làm ngay sau khi ra trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5. Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện đối với các hệ đào tạo, bồi dưỡng được nhà trường triển khai và ban hành đầy đủ các quy định theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐBXH [1.1.07], [3.5.01].

Nhà trường xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, tổ chức ôn và thi tốt nghiệp cho SV ngành Tiếng Trung Quốc sau khi SV học đủ thời gian là 3,0 năm và hoàn thành đủ các bài thi kết thúc môn học trong CTĐT. Năm học 2024 – 2025, nhà trường tổ chức thi tốt nghiệp đối với các lớp Tiếng Trung Quốc khóa 2022 – 2025 theo đúng quy định của Bộ LĐTB&XH và của nhà trường [3.5.11], [3.5.12], [3.5.01 – 3.5.09].

Công tác cấp phát bằng tốt nghiệp cho SV thực hiện theo Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTĐBXH và Thông tư số 24/2020/TT-BLĐTĐBXH. Nhà trường tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc đăng ký in, quản lý phôi bằng tốt nghiệp; thực hiện quy trình in, bảo quản, bảo mật, quản lý việc cấp phát bằng tốt nghiệp đảm bảo an toàn, đúng quy định [3.5.10].

Nhà trường thực hiện đầy đủ công tác thanh, kiểm tra trong hoạt động thi, xét công nhận tốt nghiệp. Kết quả học tập, rèn luyện của SV công bằng, minh bạch và công khai; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng, theo đúng quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo áp dụng hệ thống đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng đa dạng, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố. Công tác kiểm tra, đánh giá được tổ chức và thực hiện thống nhất theo các văn bản quy định của nhà trường về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và đánh giá kết quả học tập của người học, đồng thời thực hiện đúng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun/tín chỉ [1.1.07], [3.5.01], [3.6.01].

Trong từng học phần, giảng viên sử dụng kết hợp các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học, bao gồm: kiểm tra viết, vấn đáp, đánh giá thực hành, đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá được lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và yêu cầu đạt được của chuẩn đầu ra. Mỗi phương pháp đánh giá được xây dựng với tiêu chí đánh giá, thang điểm và quy trình thực hiện cụ thể; các nội dung này được công bố công khai trong đề cương môn học để người học nắm rõ và thực hiện. Kết quả đánh giá bảo đảm đo lường đầy đủ các thành tố của chuẩn đầu ra, bao gồm kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, qua đó phản ánh tương đối toàn diện năng lực của người học sau khi hoàn thành học phần. [1.3.02], [1.1.05].

Bên cạnh đó, nhà trường định kỳ thu thập ý kiến phản hồi của người học và nhà giáo về hoạt động giảng dạy, phương pháp kiểm tra – đánh giá và chất lượng chương trình đào tạo. Các ý kiến phản hồi này được tổng hợp, phân tích và sử dụng làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo [3.6.02].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7. Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Kết quả kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được giảng viên tổng hợp, thống kê và phân tích theo từng thành phần đánh giá của học phần/mô-đun, bảo đảm phản ánh đầy đủ mức độ đạt được các mục tiêu học tập đã xác định. Các kết quả này được cập nhật và công bố kịp thời cho người học thông qua hệ thống quản lý đào tạo của nhà trường hoặc thông qua các buổi trao đổi, nhận xét trực tiếp trên lớp, giúp người học theo dõi tiến độ học tập và mức độ đạt được chuẩn đầu ra của từng học phần [3.7.01].

Trên cơ sở kết quả đánh giá, giảng viên thực hiện phản hồi cụ thể cho người học về ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế, đồng thời đề xuất các biện pháp khắc phục nhằm hỗ trợ người học nâng cao kiến thức, kỹ năng và năng lực thực hành. Nội dung phản hồi được thể hiện thông qua nhận xét trên bài kiểm tra, trao đổi trực

tiếp trên lớp hoặc thông qua các kênh thông tin của nhà trường. Dữ liệu tổng hợp và phân tích kết quả học tập của người học được sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh nội dung giảng dạy, phương pháp truyền đạt, mức độ khó của bài tập và hình thức kiểm tra – đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo. Nhóm chuyên môn và giảng viên bộ môn định kỳ tổ chức họp, trao đổi và rà soát kết quả đánh giá giữa các lớp, các học kỳ và các năm học để kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế và đề xuất các giải pháp cải tiến hoạt động dạy và học. Việc tổng hợp, phân tích và phản hồi kết quả đánh giá người học được thực hiện thường xuyên, công khai, minh bạch và có hệ thống, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, thúc đẩy sự tiến bộ của người học và bảo đảm người học đáp ứng các yêu cầu của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo [3.7.02], [3.7.03], [3.7.04].

Trên cơ sở kết quả tổng hợp và phân tích các ý kiến phản hồi của người học, nhà trường đã chủ động rà soát, điều chỉnh nội dung, phương pháp tổ chức dạy học và công tác hỗ trợ đào tạo theo hướng phù hợp với thực tiễn, qua đó nâng cao chất lượng học tập của người học và tăng cường mức độ đáp ứng các yêu cầu của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo [3.7.05].

Bên cạnh việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng hoạt động đào tạo và hoạt động giảng dạy của giảng viên, nhà trường còn định kỳ triển khai khảo sát lấy ý kiến của đội ngũ nhà giáo, viên chức và người lao động về các hoạt động đào tạo, công tác phục vụ đào tạo và môi trường làm việc. Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích một cách có hệ thống nhằm nhận diện những điểm mạnh, hạn chế và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo; qua đó làm cơ sở cho việc điều chỉnh, hoàn thiện chương trình đào tạo, cải tiến phương pháp tổ chức giảng dạy, nâng cao hiệu quả quản lý và xây dựng môi trường làm việc thuận lợi, góp phần bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng Cao Bằng [3.7.06].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 2,5 điểm

TIÊU CHÍ 4: ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đánh giá tổng quan tiêu chí 4:

Mở đầu

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý là nhân tố then chốt, quyết định trực tiếp đến chất lượng đào tạo và uy tín của nhà trường. Trong khuôn khổ tự đánh giá Tiêu chí 4, báo cáo tập trung phân tích và đánh giá toàn diện về thực trạng đội ngũ tham gia triển khai chương trình đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc trình độ Cao đẳng.

Căn cứ theo các quy định hiện hành của Nhà nước, nhà trường cùng Khoa Ngôn ngữ đã thực hiện rà soát nghiêm túc về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề nghiệp của từng cá nhân giảng viên. Kết quả cho thấy, 100% đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý không chỉ đạt chuẩn về bằng cấp mà còn được bố trí, phân công nhiệm vụ khoa học, phù hợp với năng lực sở trường và kinh nghiệm thực tiễn.

Bên cạnh đó, việc thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách và triển khai hiệu quả công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ đã tạo động lực mạnh mẽ để đội ngũ nhà giáo yên tâm công tác, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy. Điều này tạo nền tảng vững chắc để nhà trường đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động và đạt được các mục tiêu chiến lược đã đề ra.

** Những điểm mạnh:*

- Trình độ đạt chuẩn 100%: Toàn bộ giảng viên (07 giảng viên chuyên ngành, 10 giảng viên môn chung) đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn (88% thạc sĩ) và nghiệp vụ sư phạm. 100% giảng viên chuyên ngành có chứng chỉ bồi dưỡng nhà giáo GDNN.

- Phân công khoa học: Việc bố trí giảng dạy được thực hiện dựa trên trình độ, năng lực và kinh nghiệm; đảm bảo tất cả các môn học trong chương trình đào tạo đều có nhà giáo phụ trách, tỷ lệ sinh viên/giảng viên đảm bảo định mức quy định.

- Công tác bồi dưỡng tích cực: Nhà trường chủ động cử cán bộ, giảng viên tham gia các khóa đào tạo chuẩn hóa chức danh nghề nghiệp và các hội thảo quốc tế chuyên sâu. Đặc biệt, 100% đội ngũ đã được tập huấn về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục.

- Chế độ chính sách đầy đủ: Thực hiện nghiêm túc việc chi trả lương, phụ cấp ưu đãi, thâm niên và các chế độ bảo hiểm. Công tác thi đua khen thưởng (Chiến sĩ thi đua cơ sở, biểu dương thành tích) được triển khai kịp thời, tạo động lực cải tiến chất lượng dạy học.

** Những tồn tại:*

- Cơ cấu trình độ: Mặc dù đạt chuẩn nhưng tỷ lệ giảng viên có trình độ Tiến sĩ hoặc các chứng chỉ chuyên sâu về ngôn ngữ bậc cao theo khung năng lực quốc tế còn hạn chế.

- Nghiên cứu khoa học: Các hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên sâu về phương pháp giảng dạy ngoại ngữ đặc thù cho hệ GDNN chưa đạt được nhiều công bố nổi bật.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Tiếp tục đào tạo chuyên sâu: Khuyến khích và tạo điều kiện cho giảng viên theo học trình độ Tiến sĩ và các chứng chỉ tiếng Trung quốc tế (HSK/HSKK bậc cao) để nâng cao năng lực chuyên môn.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học: Xây dựng các nhóm nghiên cứu về ứng dụng công nghệ (AI, chuyển đổi số) trong giảng dạy tiếng Trung; tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề cấp khoa/trường định kỳ.

- Mở rộng hợp tác quốc tế: Tăng cường kết nối với các tổ chức giáo dục quốc tế để giảng viên có cơ hội thực tập, trao đổi phương pháp giảng dạy hiện đại.

Đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	15
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5
Tiêu chuẩn 4	2,5
Tiêu chuẩn 5	2,5
Tiêu chuẩn 6	2,5

Tiêu chuẩn 1: *Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ hướng dẫn của Thông tư 08/2017/TT-BLĐT BXH ngày 10/03/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN để rà soát, đánh giá, phân loại GV trong nhà trường. Tính đến tháng 9/2025 số lượng GV tham gia giảng dạy chuyên ngành Tiếng Trung Quốc: 07; GV giảng dạy các môn chung: 10; Trong đó thạc sĩ: 15; đại học: 02. 100% GV của trường đảm bảo đạt chuẩn trở lên về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm theo quy định, 100% GV chuyên ngành Tiếng Trung Quốc có chứng chỉ Bồi dưỡng GV GDNN theo quy định [4.1.01], [4.1.02]; [4.1.03]

Nhà trường chú trọng đến công tác hồ sơ quản lý GV. Trong năm học, Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo đơn vị chuyên môn rà soát, bổ sung những thay đổi trong hồ sơ GV và quản lý chặt chẽ [4.1.03].

Giảng viên tiếng Trung Quốc cơ bản đảm bảo về số lượng và chất lượng để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy theo chương trình và tiến độ đào tạo đã xây dựng đáp ứng nhu cầu giảng dạy chuyên môn của nhà trường.

Trong năm học, nhà trường căn cứ yêu cầu của Sở GD&ĐT xét nguyện vọng cá nhân và nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của nhà trường về việc đào tạo đạt chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và chuẩn chức danh giáo dục nghề nghiệp cho GV để đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan [4.1.04], [4.1.05], [4.1.06].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô đun, môn học thuộc CTĐT có đủ nhà giáo giảng dạy; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, nhà trường đang áp dụng thực hiện các Nghị định, Thông tư, Quyết định của Chính phủ để đảm bảo chế độ làm việc của Nhà giáo đúng quy định của pháp luật như: Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội; Thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN; Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN.

Thực hiện thông tư 07/2017/TT – BLĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN, nhà trường ban hành quy định về chế độ làm việc của nhà giáo Trường Cao đẳng Cao Bằng [4.2.07].

Tổng số GV Khoa Ngôn ngữ hiện nay là 10 GV, trong đó viên chức quản lý tham gia vào công tác giảng dạy là 02 người. GV của Khoa có trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 07; Đại học: 03 GV. Tất cả các GV đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ [4.2.08].

Căn cứ danh sách SV trúng tuyển, nhà trường tiến hành phân lớp cho SV cao đẳng Tiếng Trung Quốc, giảng viên chủ nhiệm và danh sách lớp này được duy trì đến cuối năm học [4.2.09].

Căn cứ vào số lớp học, Khoa Ngôn ngữ lập kế hoạch năm học, phân công giảng dạy gửi Phòng ĐT&CTHSSV để lập thời khóa biểu từng lớp, từng kỳ. Việc bố trí giảng viên lên lớp đảm bảo tất cả các mô đun, môn học thuộc chương trình đào tạo đều có đủ nhà giáo giảng dạy [4.2.10], [4.2.11].

Nhà trường thực hiện đúng Quy định chế độ làm việc của GV, đảm bảo tỉ lệ SV/GV theo quy định. Hằng năm, nhà trường có thống kê định mức lao động và thanh toán giờ giảng vượt định mức cho GV [4.1.12].

Công tác kiểm tra chuyên môn của Trường Cao đẳng Cao Bằng được thực hiện hằng năm với mục đích kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn, duy trì nề nếp dạy học, củng cố và đẩy mạnh công tác tổ chức thi, quản lý hồ sơ, quản lý điểm...nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới chất lượng GD&ĐT [4.1.13], [4.1.15].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3. *Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Về công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ: Nhà trường đã chủ động xây dựng đội ngũ nhà giáo cơ hữu có năng lực chuyên môn vững vàng, đảm bảo cân đối giữa lý

thuyết và thực hành. Tính đến tháng 6/2025, tổng số nhà giáo của trường là 97 người (trong đó có 97 nhà giáo cơ hữu và 02 nhà giáo thỉnh giảng). Trình độ đào tạo của đội ngũ rất cao với 50% nhà giáo có trình độ sau đại học (Thạc sĩ), đáp ứng vượt mức quy định đối với trường trung cấp theo Nghị định 143/2016/NĐ-CP. Hầu hết giáo viên đều có trình độ đại học trở lên, đúng chuyên ngành đào tạo và đạt chuẩn nghiệp vụ sư phạm theo quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTĐBXH. [4.3.01].

Về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Hằng năm, thông qua Phòng Tổ chức - Hành chính, nhà trường thực hiện rà soát và tổng hợp nhu cầu đào tạo của toàn thể cán bộ, giáo viên. Nhà trường đã ban hành và thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 110/KH-CĐSP (ngày 21/02/2025) về đào tạo, bồi dưỡng. Các chính sách hỗ trợ được quy định rõ ràng trong Quy chế chi tiêu nội bộ: giáo viên đi học Thạc sĩ đúng chuyên ngành được hỗ trợ kinh phí, học phí, tài liệu và được hưởng nguyên lương trong thời gian đi học. Ngoài ra, nhà trường chú trọng bồi dưỡng các kỹ năng hiện đại như chuyển đổi số, kỹ năng mềm và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho 100% giảng viên [4.3.02], [4.3.03].

Về hoạt động nghiên cứu khoa học và hội thi: Nhà giáo tích cực tham gia các phong trào chuyên môn như hội thi Thiết kế bài giảng điện tử, thao giảng cấp khoa và cấp trường để trao đổi kinh nghiệm giảng dạy hiện đại. Công tác kiểm tra chuyên môn, dự giờ được thực hiện định kỳ và đột xuất để giám sát chất lượng. Tuy nhiên, do đặc thù một số ngành nghề có thời lượng thực hành cao, một số giáo viên cơ hữu vẫn phải đảm nhiệm số giờ giảng vượt định mức chuẩn (450-580 giờ/năm tùy hệ đào tạo), gây áp lực về thời gian cho việc nghiên cứu khoa học chuyên sâu [4.3.04], [4.3.05], [4.3.06].

Về chấp hành kỷ luật và đánh giá xếp loại: Nhìn chung, đội ngũ nhà giáo chấp hành tốt kỷ cương, kỷ luật của nhà trường. Kết quả đánh giá viên chức hằng năm dựa trên biên bản dự giờ, sinh hoạt chuyên môn và kết quả thực hiện nhiệm vụ đào tạo. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại hạn chế nhỏ khi có 07 nhà giáo bị xử lý kỷ luật trong năm học do chưa thực hiện đúng các quy định hiện hành. Nhà trường đã thực hiện xử lý nghiêm túc và công khai để duy trì nề nếp [4.3.07].

Nhà trường có kế hoạch phát triển đội ngũ rõ ràng, số lượng và chất lượng nhà giáo đáp ứng tốt yêu cầu triển khai chương trình đào tạo. Các chính sách đãi ngộ và bồi dưỡng được thực hiện công khai, minh bạch, tạo động lực cho giáo viên nâng cao trình độ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3: Đạt 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 4. *Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Về tính hệ thống trong việc xác định nhu cầu đào tạo: Nhà trường đã xây dựng quy trình xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng một cách bài bản và có hệ thống. Hằng năm, Phòng Tổ chức - Hành chính thực hiện tổng hợp nhu cầu từ thực tiễn giảng dạy của các khoa/phòng và định hướng phát triển của từng ngành nghề. Trên cơ sở đó, nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức định kỳ (Kế hoạch số 03.01.06), đảm bảo tính bám sát vào các quy định của Bộ Lao động - Thương binh và

Xã hội (Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBOXH và các văn bản sửa đổi, bổ sung) [4.3.02], [4.3.03]

Về các chính sách khuyến khích và hỗ trợ: Nhà trường đã cụ thể hóa các biện pháp khuyến khích nhà giáo nâng cao trình độ thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy định chế độ làm việc. Các chính sách bao gồm: hỗ trợ 100% kinh phí/học phí cho nhà giáo học Thạc sĩ đúng chuyên ngành; hỗ trợ chi phí tài liệu và hưởng nguyên lương trong thời gian đi học. Đặc biệt, nhà trường có cơ chế linh hoạt như quy đổi giờ dạy và sắp xếp kế hoạch giảng dạy để nhà giáo yên tâm tập trung học tập [4.4.01], [4.4.02].

Về hoạt động triển khai bồi dưỡng thực tế và cập nhật công nghệ: Việc phát triển năng lực chuyên môn không chỉ dừng lại ở lý thuyết mà còn tập trung vào kỹ năng nghề nghiệp thực tế. Nhà giáo được bố trí thời gian nhất định trong quỹ thời gian làm việc để thực tập tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nhằm cập nhật kiến thức, công nghệ mới theo Điều 4 Thông tư số 4083/VBHN-BLĐTBOXH. Trong năm 2025, nhà trường đã triển khai các lớp tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm dạy học trực tuyến và kỹ năng dạy học tích hợp cho đội ngũ [4.4.03].

Về công tác đánh giá hiệu quả sau đào tạo: Hằng năm, nhà trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác bồi dưỡng. Kết quả cho thấy năng lực giảng dạy của giáo viên có sự chuyển biến rõ rệt: giáo viên đã khai thác hiệu quả các phương pháp giảng dạy hiện đại, đổi mới tư duy sư phạm và phát triển năng lực tự học. Các cải tiến này được phản ánh cụ thể trong báo cáo tổng kết năm học, làm căn cứ để điều chỉnh kế hoạch đào tạo cho những năm tiếp theo. [4.4.04].

Công tác đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Cao đẳng Cao Bằng được triển khai đồng bộ, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận quản lý và đơn vị chuyên môn. Hệ thống chính sách hỗ trợ tài chính và thời gian minh bạch đã tạo động lực lớn cho đội ngũ nhà giáo tự hoàn thiện. Việc gắn kết bồi dưỡng với thực tế tại doanh nghiệp giúp chương trình đào tạo luôn giữ được tính thực tiễn và thích ứng với nhu cầu xã hội.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4: Đạt 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 5: *Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, Khoa Ngôn ngữ có đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức và triển khai chương trình đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc trình độ Cao đẳng. Cụ thể, Khoa có 02 cán bộ quản lý trực tiếp, gồm 01 Trưởng khoa và 01 Phó Trưởng khoa, chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo của khoa. Bên cạnh đó, Khoa có 01 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản lý đào tạo, kế hoạch giảng dạy và công tác học vụ của sinh viên. Đội ngũ giảng viên của Khoa gồm 07 giảng viên tham gia giảng dạy các học phần chuyên ngành Tiếng Trung Quốc và 03 giảng viên giảng dạy các môn học chung. Về trình độ chuyên môn, đội ngũ giảng viên có 07 thạc sĩ và 03 giảng viên trình độ đại học. Tất cả giảng viên đều đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm theo quy định hiện hành, 100% GV chuyên ngành Tiếng Trung Quốc có chứng chỉ Bồi dưỡng GV GDNN (hạng III) theo quy định.

Với đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên đảm bảo cả về số lượng, cơ cấu và trình độ chuyên môn, Khoa Ngôn ngữ đáp ứng đầy đủ yêu cầu trong việc tổ chức, triển khai chương trình đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc trình độ Cao đẳng. Việc thực hiện đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn nhà giáo, cùng với sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng đào tạo của chương trình [4.3.01].

Việc đánh giá, phân loại đối với Giảng viên để xếp loại thi đua, bình xét khen thưởng và là cơ sở bố trí, sử dụng, quy hoạch, đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách với Giảng viên, người lao động theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của nhà trường. Thông qua công tác đánh giá, nhà trường và Khoa Ngôn ngữ thường xuyên rà soát mức độ đáp ứng của đội ngũ giảng viên về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và năng lực thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm đội ngũ giảng viên đủ năng lực tham gia xây dựng, điều chỉnh và tổ chức triển khai chương trình đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc theo đúng mục tiêu và chuẩn đầu ra đã xác định.

Sau khi nhà trường tổ chức đánh giá, phân loại viên chức, nhà trường ra Quyết định công nhận kết quả đánh giá xếp loại viên chức. Việc ghi nhận, khen thưởng kịp thời đối với các giảng viên có thành tích tốt đã tạo động lực khuyến khích đội ngũ không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy, tích cực tham gia các hoạt động cải tiến liên tục chất lượng chương trình đào tạo [4.5.01].

Trong năm học, nhà trường căn cứ yêu cầu của Sở GD&ĐT, xét nguyện vọng cá nhân và nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của nhà trường về việc đào tạo đạt chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và chuẩn chức danh giáo dục nghề nghiệp cho Giảng viên. Trong năm 2025, Khoa Ngôn ngữ có 01 cán bộ quản lý, 03 giảng viên tham gia bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp [4.3.03].

Bên cạnh đó, nhà trường tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, tập huấn chuyên môn, nâng cao năng lực công nghệ thông tin và phương pháp giảng dạy ngoại ngữ hiện đại. Cụ thể là: 100% cán bộ quản lý, giảng viên khoa Ngôn ngữ tham gia lớp tập huấn bồi dưỡng Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI [4.5.02]; 100% giảng viên bộ môn tiếng Trung Quốc tham gia Hội thảo quốc tế “Đào tạo Ngôn ngữ Trung Quốc chuyên ngành Khoa học và Công nghệ: Hợp tác và phát triển” ngày 25/04/2025 do Khoa Ngoại ngữ, Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức. [4.5.03]. Các hoạt động liên quan đến bồi dưỡng chuyên môn, tham gia tập huấn, hội thảo tạo điều kiện để giảng viên không ngừng nâng cao trình độ, cập nhật phương pháp giảng dạy tiên tiến, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc.

Qua việc mô tả, phân tích, nhận định nội hàm tiêu chuẩn cho thấy 100% cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của Khoa Ngôn ngữ đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thuộc Khoa Ngôn ngữ được hưởng đầy đủ chế độ, chính sách theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các văn bản nội bộ của nhà trường. Các chính sách bao gồm: chế độ tiền lương, phụ cấp ưu đãi nhà giáo, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ nghỉ phép, nghỉ hằng năm và các quyền lợi về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn [4.4.01].

Nhà trường thực hiện đầy đủ các chính sách khuyến khích, động viên và khen thưởng đối với giảng viên và cán bộ quản lý có thành tích trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đổi mới phương pháp dạy học và tham gia đóng góp vào hoạt động phát triển chương trình đào tạo. Khoa Ngôn ngữ thực hiện việc đề xuất xét thi đua, khen thưởng từng năm học, đảm bảo các thành viên trong khoa được ghi nhận và khuyến khích kịp thời. Nhiều giảng viên có thành tích cao đã được ghi nhận, qua đó thúc đẩy tinh thần phấn đấu, đổi mới và nâng cao chất lượng giảng dạy. Thông qua các chính sách khuyến khích và khen thưởng, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý tích cực nâng cao trình độ, đổi mới phương pháp giảng dạy, chủ động tham gia xây dựng và tổ chức triển khai chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo của ngành Tiếng Trung Quốc trình độ Cao đẳng. Điều này góp phần quan trọng vào việc cải tiến liên tục chất lượng chương trình đào tạo [4.6.01], [4.6.02].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2,5 điểm



TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ HỌC LIỆU

Đánh giá tổng quan tiêu chí 5:

Mở đầu:

Ngành Cao đẳng tiếng Trung Quốc thuộc khoa Ngôn ngữ, được bố trí giảng dạy và học tập tại Cơ sở 1, trường Cao đẳng Cao Bằng. Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện CTĐT ngành Cao đẳng tiếng Trung Quốc với hệ thống cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn, đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập. Hệ thống thư viện được trang bị các đầu sách chuyên ngành và giáo trình tạo điều kiện thuận lợi cho nhà giáo, SV học tập và tra cứu. Hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu học tập của SV, giảng dạy và nghiên cứu của nhà giáo, tạo điều kiện khai thác và sử dụng hiệu quả trang thiết bị, cơ sở vật chất của CTĐT.

Cơ sở 1 với tổng diện tích sử dụng là 42.280m², địa chỉ tại Tổ dân phố Đề Thám 1, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng. Trường được xây dựng trên mặt bằng của một vùng gò đồi có độ cao vừa phải, thuận lợi cho việc thiết kế hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với đặc thù các ngành đào tạo của Nhà trường. Trường sở đặt tại khu trung tâm dân cư, thuận tiện cho việc đi lại của nhà giáo, NV, HSSV.

Các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị bảo đảm, đáp ứng được yêu cầu cơ bản cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà giáo và SV ngành Cao đẳng Tiếng Trung Quốc. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng, phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy vi tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu và các thiết bị; đảm bảo nhiệt độ, âm thanh và ánh sáng... Thư viện có giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng, các loại báo, tạp chí... đáp ứng yêu cầu dạy và học. Hội trường, nhà đa năng, sân bãi có đầy đủ thiết bị cơ bản phục vụ hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục - thể thao. Kí túc xá có phòng ở được trang bị các thiết bị điện, nước, thiết bị sinh hoạt cơ bản đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt cho SV. Hệ thống mạng internet được kết nối toàn trường, các phần mềm quản lý đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng. Cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, đảm bảo tốt các yêu cầu về an toàn, vệ sinh, an ninh, trật tự.

Trong những năm gần đây, cơ sở vật chất, thiết bị có nhiều hạng mục hư hỏng, xuống cấp do thời gian sử dụng đã lâu. Nhà trường đã tập trung cải tạo, tu bổ các khu giảng đường, thư viện, mua mới, nâng cấp trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin; cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo; cải tạo cảnh quan môi trường, bảo đảm về sức khỏe, an toàn, an ninh, trật tự cho nhà giáo, NV, HSSV.

**** Những điểm mạnh:***

Trường được xây dựng trên khu đất thoáng, rộng rãi, thuận tiện cho HSSV tham gia học tập. Có đủ các khối công trình phục vụ cho các hoạt động của ngành học.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị dạy học, rèn nghề bảo đảm đáp ứng nhu cầu hoạt động dạy nghề.

**** Những tồn tại:*** Một số hạng mục cơ sở vật chất xuống cấp, chưa được sửa chữa kịp thời. Thư viện điện tử chưa được đầu tư để đáp ứng cho nhu cầu tra cứu tài liệu giảng dạy và học tập của nhà giáo, SV ngành Tiếng Trung Quốc.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Năm 2023 và các năm tiếp theo Nhà trường tiếp tục bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo; nâng cấp thư viện điện tử, hạ tầng phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo..

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	12,5
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5
Tiêu chuẩn 4	2,5
Tiêu chuẩn 5	0
Tiêu chuẩn 6	2,5

Tiêu chuẩn 1: *Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cơ sở 1 có tổng diện tích mặt phẳng là 42.280 m², được xây dựng thành các tòa nhà từ 1 đến 4 tầng và một số công trình phụ trợ, có đủ các khu vực phục vụ cho công tác đào tạo, cơ bản đáp ứng đủ hệ thống giảng đường, phòng học, Kí túc xá sinh viên theo quy định của bộ tiêu chuẩn.

Trường có đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xây dựng đáp ứng yêu cầu làm việc và giảng dạy và học tập. Hệ thống phòng học lý thuyết, phòng học bộ môn, hệ thống điện, nước được trang bị đầy đủ, hiện đại. Các phòng học được đảm bảo ngăn cách không bị ảnh hưởng tiếng ồn, có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất bảo đảm các yêu cầu an toàn, hệ thống chiếu sáng, thông gió và đúng quy chuẩn thể hiện qua hồ sơ thiết kế các công trình của nhà trường [5.1.01], [5.1.02], [5.1.03].

Căn cứ danh sách SV trúng tuyển và tình hình nhập học của SV, Nhà Trường tiến hành phân lớp cho SV và danh sách lớp này được duy trì đến cuối khóa học [5.1.02], [5.1.05], [5.1.06]. Các phòng học được bố trí ở khu giảng đường khang trang, rộng rãi. Ngành Tiếng Trung Quốc được bố trí 9 phòng học lý thuyết diện tích từ 60 m²-90 m², các phòng học có sức chứa tới 50 người trở lên, có đủ các thiết bị dạy học cơ bản như máy tính, smart tivi, hệ thống âm thanh, điện chiếu sáng. Phòng học ngoại ngữ được trang bị 30 cabin, có máy tính nối mạng, bảng thông minh và trang thiết bị chuyên dụng, hiện đại, đủ điều kiện phục vụ cho SV học tập và nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu của ngành học [5.1.07]; [5.1.08].

Hàng năm, Nhà trường đã thực hiện việc thống kê diện tích phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng để tính tỉ lệ diện tích/người học để đánh giá mức

độ đáp ứng của hệ thống CSVC, thiết bị phòng học, phòng thực hành so với các quy định hiện hành của Nhà nước [5.1.09].

Nhà trường luôn dành nguồn kinh phí cho đầu tư, cải tạo, sửa chữa và nâng cấp CSVC, thiết bị phục vụ giảng dạy. Kinh phí thực hiện chủ yếu dựa vào nguồn cấp của Nhà nước và của Trường [5.1.10].

Thông qua khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, HSSV về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhà giáo và HSSV cơ bản hài lòng về với vị trí, điều kiện giảng dạy, học tập của ngành tiếng Trung Quốc [5.1.11].

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2. *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào chương trình đào tạo được ban hành, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH của Nhà trường đáp ứng đủ về chủng loại và yêu cầu của CTĐT [Chương trình đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc].

Các trang thiết bị của Nhà trường được quản lý và theo dõi khoa học. Phòng Tổ chức - Hành chính có sổ theo dõi trang thiết bị, kiểm kê trang thiết bị, tài sản và báo cáo kết quả kiểm kê tài sản, trang thiết bị hàng năm [5.2.01], [5.2.02].

Để đánh giá chất lượng, số lượng thiết bị phục vụ công tác học tập và giảng dạy, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của nhà giáo và HSSV về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học. Đa số nhà giáo, HSSV hài lòng về mức độ đáp ứng của thiết bị dạy học [5.2.03].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 3: *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trang thiết bị trong phòng thực hành bộ môn được bố trí lắp đặt hợp lý. Phòng học ngoại ngữ gồm có 30 cabin, được bố trí thành các hàng theo chiều dọc nhà, lối đi giữa hai hàng máy cách nhau 1m. Các thiết bị phục vụ dạy học có máy tính, bảng thông minh và các thiết bị chuyên dụng. Phòng học rộng rãi, thoáng mát, đảm bảo tốt sự lưu thông không khí, điều kiện chiếu sáng tự nhiên, giảm thiểu tiếng ồn và ít bị ảnh hưởng bởi rung động. Về mặt sư phạm, việc bố trí các máy như trên tạo ra không gian rộng đáp ứng được tốt hoạt động dạy thực hành như: Tổ chức hướng dẫn thực hành theo nhóm, theo lớp, cá nhân. Trên mỗi thiết bị có nhãn ghi rõ thông tin về thiết bị như: Tên thiết bị, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng, tình trạng sử dụng. Nhà trường luôn luôn chú trọng đến công tác thiết kế, lắp đặt các thiết bị để thuận tiện trong quá trình sử dụng nhằm phát huy tối đa công năng của thiết bị cũng như đảm bảo an toàn

Phòng học lý thuyết sử dụng cho ngành Tiếng Trung Quốc đều được trang bị các thiết bị thiết yếu như: máy chiếu, ti vi, loa, wifi tốc độ ổn định, bảng viết, bàn ghế đúng quy chuẩn, hệ thống đèn – quạt đáp ứng yêu cầu sư phạm. Các phòng học luôn được duy trì vệ sinh thường xuyên. Bố trí phòng học đảm bảo ánh sáng tự nhiên, độ thông thoáng và an toàn điện. Các dây dẫn, thiết bị kết nối và thiết bị âm thanh được

bố trí gọn gàng, hạn chế tối đa nguy cơ mất an toàn cho sinh viên. Môi trường học tập nhìn chung đảm bảo sạch sẽ, thân thiện và phù hợp với đặc thù đào tạo ngoại ngữ.

Ở mỗi phòng học lý thuyết, phòng thực hành bộ môn đều giao cho Giảng viên quản lý, theo dõi tình trạng trang thiết bị. Việc quản lý, theo dõi và bảo trì thiết bị được thực hiện theo quy định chung của nhà trường. Khoa có sổ ghi chép tình trạng thiết bị và phân công giảng viên thông báo các vấn đề phát sinh ngay trong ngày để bộ phận kỹ thuật kiểm tra, hỗ trợ. Công tác kiểm kê được phối hợp định kỳ nhằm nắm bắt tình trạng thiết bị và đảm bảo thiết bị luôn trong điều kiện sẵn sàng phục vụ giảng dạy. Để sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, Nhà trường đã xây dựng quy định về quản lý và sử dụng tài sản, trang thiết bị dạy học.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị để đảm bảo chất lượng sử dụng, kịp thời sửa chữa, mua thêm mới phục vụ cho năm học tiếp theo. Việc quản lý, sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo được thực hiện thường xuyên và liên tục theo đúng quy định, quy trình đảm bảo cho các thiết bị được vận hành, sử dụng tốt. Các thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và học tập không bị gián đoạn [5.3.01].

Giảng viên, sinh viên cơ bản hài lòng về việc bố trí các thiết bị phục vụ công tác dạy học và thực hành [5.3.02], [5.3.03].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4. *Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường ban hành và áp dụng quy trình cấp phát vật tư, nguyên - nhiên, vật liệu. (QĐ số 592/QĐ-CĐCB ngày 18/11/2025 ban hành hệ thống quy trình bảo đảm chất lượng năm 2025).

Trang thiết bị trong phòng thực hành bộ môn được bố trí lắp đặt hợp lý. Phòng học ngoại ngữ gồm có 30 cabin, được bố trí thành các hàng theo chiều dọc nhà, lối đi giữa hai hàng máy cách nhau 1m. Các thiết bị phục vụ dạy học có máy tính, bảng thông minh và các thiết bị chuyên dụng. Phòng học rộng rãi, thoáng mát, đảm bảo tốt sự lưu thông không khí, điều kiện chiếu sáng tự nhiên, giảm thiểu tiếng ồn và ít bị ảnh hưởng bởi rung động. Về mặt sư phạm, việc bố trí các máy như trên tạo ra không gian rộng đáp ứng được tốt hoạt động dạy thực hành như: Tổ chức hướng dẫn thực hành theo nhóm, theo lớp, cá nhân [5.2.02]. Trên mỗi thiết bị có nhãn ghi rõ thông tin về thiết bị như: Tên thiết bị, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng, tình trạng sử dụng. Nhà trường luôn luôn chú trọng đến công tác thiết kế, lắp đặt các thiết bị để thuận tiện trong quá trình sử dụng nhằm phát huy tối đa công năng của thiết bị cũng như đảm bảo an toàn.

Ở mỗi phòng học lý thuyết, phòng thực hành bộ môn đều giao cho GV quản lý, theo dõi tình trạng trang thiết bị. Để sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, Nhà trường đã xây dựng quy định về quản lý và sử dụng tài sản, trang thiết bị dạy học.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị để đảm bảo chất lượng sử dụng, kịp thời sửa chữa, mua thêm mới phục vụ cho năm học

tiếp theo. Việc quản lý, sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo được thực hiện thường xuyên và liên tục theo đúng quy định, quy trình đảm bảo cho các thiết bị được vận hành, sử dụng tốt. Các thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và học tập không bị gián đoạn.

GV, SV cơ bản hài lòng về việc bố trí các thiết bị phục vụ công tác dạy học và thực hành.

Căn cứ vào thời khóa biểu của môn học, số lượng SV mỗi lớp, tổ chuyên môn lập kế hoạch giảng dạy và danh sách các thiết bị cần thiết phục vụ giảng dạy, thực hành của SV. Căn cứ vào kế hoạch được phê duyệt, phòng Tổ chức - Hành chính bố trí phòng học, thiết bị dạy học, văn phòng phẩm cấp cho tổ chuyên môn. Công tác quản lý theo dõi thiết bị thực hiện chặt chẽ đảm bảo về số lượng và chất lượng cho SV học lý thuyết và thực hành.

Nhà trường ban hành văn bản quản lý tài sản, trang thiết bị theo đúng quy định hiện hành [5.4.01].

Nhà trường có 01 kho lưu trữ thiết bị đào tạo ngành Cao đẳng tiếng Trung Quốc diện tích 20m² và phân công cho GV phụ trách, quản lý. Thiết bị được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp, dễ dàng cho việc cấp phát; có sổ giao nhận thiết bị theo dõi chi tiết phục vụ cho công tác đào tạo. Hàng năm, phòng Tổ chức - Hành chính thực hiện kế hoạch tổ chức kiểm kê tài sản, thiết bị theo quy định của Nhà nước. Sau kiểm kê có phân loại thiết bị cũ, hư hỏng không còn sử dụng được đề nghị cho thanh lý, lập báo cáo hàng năm.

Nhà trường thực hiện đúng theo các văn bản quy định về tiêu chuẩn định mức thiết bị chuyên dùng của ngành, quản lý bảo trì bảo dưỡng thiết bị có hệ thống sổ sách theo dõi chặt chẽ, luôn đảm bảo đủ để phục vụ giảng dạy và học tập cho GV, SV.

Qua khảo sát ý kiến của GV và SV về việc cấp phát sử dụng thiết bị dạy học theo quy định cho thấy, Nhà trường đáp ứng đủ về thiết bị dạy học, bảo đảm kế hoạch và tiến độ đào tạo [5.2.03].

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5. Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện Cơ sở 1 Trường Cao đẳng Cao Bằng được bố trí tại tầng 1 giảng đường A với diện tích 280m², có 4 phòng: 01 phòng đọc và 03 phòng nghiệp vụ. Thư viện thuộc phòng Đào tạo và NCKH quản lý.

Thư viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu sử dụng của GV và người học. Hiện nay, có trên 30.000 bản sách, trong đó có gần 20.000 bản sách nghiệp vụ, 12.380 bản sách tham khảo, 01 tủ sách pháp luật với hơn 700 bản sách, 01 tủ sách văn hóa dân gian Việt Nam với trên 1000 bản sách. Ngoài ra còn có một số tạp chí, báo... [5.5.01]. Các đầu sách hiện có đảm bảo phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo của Trường. Nguồn học liệu phục vụ CTĐT ngành Tiếng Trung Quốc hiện có trên 2.000 đầu sách giáo trình, sách tham khảo, tài liệu... Ngoài ra còn có các tài liệu, đề cương bài giảng do GV bộ môn soạn thảo để phục vụ giảng dạy và học tập.

Mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của GV và SV; có đủ sách tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/SV.

Thư viện được trang bị phòng máy tính với số lượng 6 máy (02 máy của nhân viên thư viện và 04 máy phục vụ việc tra cứu, truy cập mạng internet của bạn đọc), máy in, giá sách; có đầy đủ các văn bản thông báo công khai: Sơ đồ bố trí thư viện; nội quy của thư viện; thông báo giờ mở - đóng cửa thư viện. Phòng đọc của thư viện được mở cửa hàng ngày từ thứ 2 đến thứ 6, đảm bảo phục vụ nhu cầu đọc và nghiên cứu tại chỗ cho GV và SV [5.5.02]. GV, SV mượn sách thư viện để nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành, có ghi sổ mượn - trả sách hàng ngày.

Nhân viên thư viện được đào tạo đúng chuyên môn, nghiệp vụ công tác thư viện. Công tác thông tin, giới thiệu sách được thực hiện thường xuyên.

Để đánh giá về giáo trình, sách, tài liệu tham khảo có đủ đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và học tập của GV và SV, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của GV và SV [5.2.03].

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: Đạt 0 điểm

Tiêu chuẩn 6. *Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả nhà giáo giảng dạy CTĐT ngành Tiếng Trung Quốc đều ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học thông qua các bài giảng điện tử, các phần mềm dạy học trực tuyến như phần mềm Zoom, Google Meet, Microsoft Teams.

Do đặc thù ngành học ngôn ngữ, Nhà trường đã trang bị cho các phòng học chuyên môn của trường có đầy đủ máy chiếu, máy tính, loa, mic. Hệ thống phòng học ngoại ngữ ATT có khối điều khiển trung tâm, phần mềm điều khiển hệ thống, bộ thu phát tín hiệu dành riêng cho GV, bộ thu phát tín hiệu dành riêng cho SV, 30 cabin, màn chiếu cảm ứng, máy tính kết nối mạng phục vụ giảng dạy và học tập, thực hành. [5.2.02].

Tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: Đạt 2,5 điểm

TIÊU CHÍ 6: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Đánh giá tổng quan tiêu chí 6:

Mở đầu:

NH đã được nhà trường quan tâm, tạo điều kiện trong quá trình học tập. Các văn bản quy định đối với NH đã được nhà trường cung cấp đầy đủ về CTĐT, quy chế đào tạo, quy chế SV, quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp; văn bản về chế độ chính sách của NH; các thông tin về tuyển dụng, thị trường lao động, việc làm. Trong quá trình học tập, nhà trường, Đoàn thanh niên, Hội SV đã tổ chức các hoạt động xã hội, văn nghệ, thể dục thể thao. Tất cả các văn bản quy định, cơ sở hạ tầng cho các hoạt động phong trào đã đáp ứng đầy đủ, giúp SV biết được nhiệm vụ, quyền lợi, nghĩa vụ của NH. Hàng năm, nhà trường tổ chức cho SV được tiếp xúc với các doanh nghiệp trong tỉnh Cao Bằng và các tỉnh lân cận để nghe tư vấn, giới thiệu việc làm, giúp SV năm thứ ba được thực tập tốt nghiệp tại một số doanh nghiệp và một số SV sau khi tốt nghiệp ra trường có cơ hội được đi làm tại doanh nghiệp. Như vậy, nhà trường đã tạo điều kiện cho NH có môi trường học tập hiệu quả, các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao luôn quan tâm và có môi trường luyện tập an toàn, các giải thi đấu thể thao, giao lưu văn hóa, văn nghệ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm do nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội SV, tổ chức.

**** Những điểm mạnh:***

NH đã được cung cấp đầy đủ các dịch vụ cho NH về CTĐT; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, SV; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với NH.

Các chế độ, chính sách cho NH thực hiện đúng quy định; hàng năm, nhà trường, các tổ chức Đoàn thể thực hiện chính sách khen thưởng kịp thời đã động viên khuyến khích NH phấn đấu học tập và các mặt hoạt động đạt kết quả tốt.

Hàng năm, cơ sở đào tạo đã tư vấn, hỗ trợ, cung cấp thông tin về nghề nghiệp, tạo điều kiện cho NH tìm hiểu thị trường lao động và việc làm; SV được thực tập tốt nghiệp thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp, tổ chức đối thoại Hiệu trưởng với SV để nắm bắt những mặt mạnh và hạn chế trong việc thực hiện các yêu cầu về dịch vụ NH.

Nhà trường thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho NH.

**** Những tồn tại:***

Số lượng SV thực hiện phản hồi chưa đạt 100%.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Hàng năm, nhà trường tổ chức rà soát, lấy ý kiến phản hồi NH và các bên liên quan về CTĐT, từ đó phát triển CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội và nhu cầu NH.

Thực hiện đầy đủ, đúng quy định về chế độ chính sách cho SV; quan tâm và có chế độ ưu đãi đối với những SV nghèo vượt khó.

Nhà trường, Khoa Ngôn ngữ, các tổ chức Đoàn, Hội thường xuyên phát động phong trào thi đua trong học tập và rèn luyện; tổ chức các hoạt động ngoại khóa thiết thực, hiệu quả; rèn luyện kỹ luật lao động và kỹ năng mềm cho SV. Thành lập, tổ chức mô hình các câu lạc bộ hỗ trợ SV trong quá trình học tập và rèn luyện.

Tăng cường và mở rộng quan hệ với doanh nghiệp, xây dựng quy định và lập kế hoạch về tổ chức tư vấn, hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	10
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5
Tiêu chuẩn 4	2,5

Tiêu chuẩn 1: Các thông tin về ngành, nghề, CTĐT, quy chế kiểm tra; thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm học 2024 - 2025, CTĐT ngành Tiếng Trung Quốc, trình độ cao đẳng được thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 03/3/2022 của Bộ LĐTB&XH quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun; nhà trường đã cụ thể hóa và ban hành các quy định phù hợp với nhà trường [1.107].

Hàng năm, nhà trường tổ chức sinh hoạt công dân vào tuần đầu của năm học nhằm giới thiệu đến NH những thông tin chung về nhà trường và cung cấp về mục tiêu, chương trình, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt của ngành học; các chế độ chính sách của NH; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo; hoạt động tư vấn nghề nghiệp, việc làm, hỗ trợ khởi nghiệp cho SV khi nhập học và trong quá trình học. Các văn bản, tài liệu được công bố công khai trên Website của nhà trường và được báo cáo viên phổ biến, cung cấp trực tiếp trên lớp [6.1.01].

Mỗi năm học, NH được nhà trường, Khoa Ngôn ngữ, giảng viên chủ nhiệm cung cấp đầy đủ các văn bản và hướng dẫn về nội dung, thực hiện CTĐT, quy chế đào tạo, quy chế thi và kiểm tra, đánh giá, điều kiện thi học phần, xét tốt nghiệp, các chế độ, chính sách hiện hành đối với NH, các nội quy, quy chế của nhà trường đối với SV. GV trực tiếp lên lớp sẽ giới thiệu công khai đến SV về đề cương chi tiết môn học để SV chủ động trong thực hiện các yêu cầu của môn học [1.107], [3.5.01], ...

Hàng năm, phòng TC - HC tham mưu cho Lãnh đạo nhà trường thực hiện các chế độ chính sách cho SV theo đúng quy định của Nhà nước [6.1.02]

Để đánh giá khách quan về chất lượng và mức độ hài lòng về dịch vụ NH, nhà trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến của NH, GV và các bên liên quan. Qua kết quả báo cáo, nhà trường đã thực hiện đúng quy định, quy trình để đáp ứng các yêu cầu về dịch vụ NH. Trong những năm tiếp theo tiếp tục duy trì cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, CTĐT; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường các chế độ chính sách xã hội theo quy định, các dịch vụ hỗ trợ cho SV [6.1.03].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2: Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích NH đạt kết quả

cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn quan tâm và hỗ trợ cho NH được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Phòng Đào tạo & CTHSSV tham mưu với Lãnh đạo trường và phối hợp với Khoa Ngôn ngữ, phòng TC - HC nghiên cứu các văn bản quy định, hướng dẫn về thực hiện các chế độ chính sách cho SV [6.1.02].

Căn cứ vào các văn bản quy định, phòng Đào tạo & CTHSSV ban hành hướng dẫn, Khoa Ngôn ngữ triển khai đến toàn thể SV, giảng viên chủ nhiệm thực hiện rà soát số lượng SV nằm trong đối tượng ưu tiên và cung cấp các minh chứng theo đúng quy định; lãnh đạo khoa tiến hành kiểm tra, xem xét và lập danh sách đề nghị hưởng các chế độ chính sách theo quy định hiện hành. Hội đồng xét các chế độ chính sách của nhà trường căn cứ biên bản và danh sách đề nghị của khoa tiến hành rà soát, kiểm tra và lập danh sách những SV đủ tiêu chuẩn theo quy định để nhà trường ra quyết định cho SV hưởng các chế độ chính sách hiện hành [6.1.02].

Ngoài chế độ chính sách do Nhà nước cấp, nhà trường, các tổ chức Hội, Đoàn thể trong trường cũng đã có những chính sách hỗ trợ cho SV thuộc đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ nghèo xếp loại học lực khá, giỏi phấn đấu, vươn lên trong học tập và rèn luyện như học bổng khuyến khích, học bổng của Bộ Khoa học và Nghệ thuật bang Hessen, Học bổng ACECOOK [6.2.01].

Trong năm học, nhà trường, Đoàn thanh niên, Hội SV đã thực hiện tốt chính sách khen thưởng đối với NH đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện và các thành tích nổi bật, tiêu biểu khác trong các hoạt động phong trào thi đua. Nhờ khen thưởng, động viên, khuyến khích kịp thời đã thúc đẩy SV phấn đấu học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động phong trào thi đua đạt kết quả cao [6.2.02].

Hàng năm, căn cứ Nghị định số 86/2015/CP, Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDDT-BTC-BLĐTĐBXH, Quyết định số 53/2016/QĐ-TTg, Thông tư Liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTĐBXH-BGDDT-BTC, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng, nhà trường căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để quy định mức thu học phí đối với SV ngành Tiếng Trung Quốc, trình độ cao đẳng theo mức quy định. SV các khóa học đã nộp học phí đầy đủ, hoàn thành nghĩa vụ của NH.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3: Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình học tập, SV được cố vấn học tập của khoa, giáo viên chủ nhiệm tư vấn học tập, giải đáp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình học tập, tạo điều kiện để sinh viên có môi trường học tập, rèn luyện tốt nhất trong toàn bộ khóa học; Khoa, nhà trường và các tổ chức đoàn thể còn tạo điều kiện để sinh viên tham gia các hoạt động thiện nguyện, phục vụ cộng đồng, hiến máu nhân đạo, các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, ngoại khóa chuyên môn, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động và các hoạt động phong trào khác....

Năm học 2024 – 2025, Khoa Ngôn ngữ đã tổ chức hoạt động ngoại khóa chuyên môn với chủ đề “Vui học Hán Ngữ”, tổ chức giải bóng chuyền SV chào mừng 43 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 – 20/11/2025), tham gia cuộc thi xếp

sách nghệ thuật. Với các hoạt động trên, SV đã được giáo dục về truyền thống, lòng tự hào dân tộc, rèn luyện kỹ năng chuyên môn, kỹ năng sống. Đoàn trường tổ chức cho học SV tham gia các buổi tuyên truyền pháp luật, tuyên truyền “Ba văn kiện pháp lý về biên giới đất liền Việt Nam – Trung Quốc”, phối hợp với các đơn vị trong trường tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng, tình nguyện mùa đông, xuân cho em..., sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao vào các dịp lễ lớn như ngày thành lập Đoàn TNCS HCM 26/3... Hội SV tổ chức ngày hội Hội SV 09/1, tổ chức giải bóng chuyền SV năm học 2024-2025... Các hoạt động trên đã thu hút được đông đảo SV toàn trường tham gia [3.3.02].

Kết quả hoạt động của các tổ chức chính trị, đoàn thể trong trường đều được cụ thể hóa trong Báo cáo tổng kết năm học [6.3.01].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4: Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác là sân chơi bổ ích, lành mạnh giúp tuyên truyền chính sách pháp luật; giáo dục tư tưởng chính trị, truyền thống văn hóa, lịch sử; rèn luyện các kỹ năng mềm cho SV, đồng thời tạo điều kiện giúp SV được giao lưu, học hỏi nhau sau những giờ học căng thẳng, từ đó giúp các em có động cơ học tập đúng đắn; Đồng thời môi trường và cảnh quan sư phạm đã tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học, giúp người học phát triển một cách toàn diện.

Tư vấn, hỗ trợ SV được tìm hiểu, tiếp xúc với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để thực tập tốt nghiệp và có cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp là một trong những công tác được nhà trường quan tâm, tạo điều kiện cho NH. Nhà trường đã giao cho Trung tâm tuyển sinh và giới thiệu việc làm, phòng ĐT&CTHSSV phối hợp với Khoa Ngôn ngữ kết nối với các doanh nghiệp ở trong và ngoài tỉnh, tham mưu cho Lãnh đạo trường tổ chức tư vấn, cung cấp thông tin tuyển dụng của doanh nghiệp để SV nắm bắt kịp thời cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Năm học 2024 - 2025, nhà trường đã ký kết hợp đồng về công tác thực tập tốt nghiệp và việc làm sau khi SV tốt nghiệp ra trường với Công ty TNHH TNHH Luxshare – ICT (Vân Trung), công ty TNHH Thương mại và điện tử TMT, Công ty TNHH công nghệ LENS Việt Nam, SV năm thứ ba đã được gặp mặt doanh nghiệp và tham gia phỏng vấn thực tập và 100% SV đủ điều kiện thực tập tại 03 công ty. Thông qua các hoạt động gặp mặt, tư vấn, phỏng vấn của doanh nghiệp, nhà trường đã nắm bắt được yêu cầu về trình độ, kỹ năng chuyên môn của SV mà doanh nghiệp đặt ra, từ đó có những điều chỉnh trong đào tạo.

Tuy nhiên, trong đợt tiếp xúc, gặp mặt, phỏng vấn, một số SV còn hạn chế về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ giao tiếp còn lúng túng, nội dung trả lời phỏng vấn chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, nhà trường đã tạo điều kiện cho thực tập tốt nghiệp tại trường do giảng viên trong trường hướng dẫn để rèn luyện, nâng cao kiến thức, kỹ năng mềm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: Đạt 2,5 điểm

TIÊU CHÍ 7: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu:

Nhà trường đã tiến hành khảo sát, đánh giá mức độ đáp ứng của người học sau tốt nghiệp đang làm việc tại các doanh nghiệp nhằm thu thập thông tin về sự phù hợp của chương trình đào tạo (CTĐT) với nhu cầu của thị trường lao động. Trên cơ sở đó, nhà trường xem xét mức độ đáp ứng của người học tại các cơ quan, doanh nghiệp để xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.

Nhà trường thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp nhằm thu thập thông tin về tình hình việc làm, đánh giá chất lượng đào tạo và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của họ.

Đối với đội ngũ viên chức quản lý và giảng viên, nhà trường đã thu thập ý kiến về chất lượng đào tạo, chất lượng dịch vụ hỗ trợ đào tạo, đồng thời phân tích nguyên nhân và triển khai các biện pháp khắc phục những hạn chế còn tồn tại.

Đối với sinh viên, nhà trường tổ chức khảo sát, thu thập ý kiến về chất lượng và hiệu quả của phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ – chính sách cũng như các dịch vụ hỗ trợ đào tạo.

Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT theo quy định, đồng thời tiến hành khảo sát người học sau tốt nghiệp bằng nhiều hình thức như liên lạc qua điện thoại, Zalo... Kết quả khảo sát sau 6 tháng cho thấy tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo đạt trên 80%.

**** Những điểm mạnh***

Hoạt động giám sát và đảm bảo chất lượng được nhà trường quan tâm. Sau mỗi chu kỳ hoạt động, nhà trường đều khảo sát ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp. Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến giảng viên về hoạt động đào tạo và các dịch vụ phục vụ đào tạo. Trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp, có trên 80% người học tìm được việc làm phù hợp với ngành, nghề đã được đào tạo.

**** Những tồn tại***

Việc thu thập ý kiến từ các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp tuy đã được triển khai nhưng số lượng đơn vị khảo sát vẫn chưa đạt theo yêu cầu.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng***

Từ năm 2025 và các năm tiếp theo, nhà trường xây dựng kế hoạch thu thập ý kiến từ các đơn vị sử dụng lao động, đảm bảo đủ số lượng đơn vị khảo sát theo quy định.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí/tiêu chuẩn	Điểm đánh giá
Tiêu chí 7	17,5
Tiêu chuẩn 1	2,5

Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5
Tiêu chuẩn 4	2,5
Tiêu chuẩn 5	2,5
Tiêu chuẩn 6	2,5
Tiêu chuẩn 7	2,5

Tiêu chuẩn 1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến theo Thông tư 01/2024/TT-BLĐTĐBXH và quy trình bảo đảm chất lượng theo thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐBXH [7.1.01].

Năm 2025, Khoa Ngôn ngữ thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo đối với K25 theo đúng quy trình. Trên cơ sở tiếp thu, phản hồi của người học, của giảng viên và các bên liên quan, chương trình đào tạo K25 đã được cải tiến phù hợp với kiến thức, kỹ năng, năng lực người học và đáp ứng nhu cầu xã hội [2.1.02], [1.1.07], [1.1.05].

Những dữ liệu khảo sát là căn cứ quan trọng để khoa, nhà trường rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo, bảo đảm sự phù hợp với thực tiễn và nâng cao chất lượng theo đúng quy trình xây dựng - thẩm định - phê duyệt được quy định trong các thông tư hiện hành. Nhờ đó, công tác cải tiến chương trình được duy trì thường xuyên, có hệ thống và đạt hiệu quả [7.1.02].

Chương trình đào tạo phù hợp với đơn vị sử dụng lao động tiếp nhận sinh viên thực tập và được đơn vị sử dụng đánh giá xếp loại tốt [7.1.03], [3.7.04].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2. Chất lượng dịch vụ tiện ích các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến.

Hệ thống tổ chức và giám sát hoạt động hỗ trợ người học: Trường Cao đẳng Cao Bằng đã thiết lập hệ thống hỗ trợ người học đồng bộ, lấy người học làm trung tâm. Hoạt động này được vận hành thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng chức năng, Khoa chuyên môn và đội ngũ giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập. Nhà trường ban hành các quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho giáo viên chủ nhiệm (khóa 23-25) để theo sát tiến trình học tập, rèn luyện và kịp thời nắm bắt nhu cầu của SV. Việc giám sát chất lượng học tập được thực hiện định kỳ qua các kỳ thi học kỳ và kỳ thi tốt nghiệp với lịch trình, nội dung ôn tập được công khai minh bạch. [7.2.01].

Thực hiện chính sách an sinh và dịch vụ tiện ích: Nhà trường đảm bảo các dịch vụ hỗ trợ tài chính và đời sống được triển khai đầy đủ theo quy định pháp luật. Cụ thể:

+ Chính sách nội trú và trợ cấp xã hội: Thực hiện nghiêm túc Quyết định 53/2015/QĐ-TTg và Quyết định 1121/1997/QĐ-TTg về chính sách nội trú, trợ cấp xã hội.

+ Hỗ trợ học phí: Cập nhật và áp dụng kịp thời Nghị định số 238/2025/NĐ-CP về miễn, giảm học phí cho HSSV.

+ Dịch vụ y tế và lưu trú: Tổ chức khám sức khỏe đầu khóa, đăng ký bảo hiểm y tế và tạm trú cho 100% người học, đảm bảo quyền lợi về sức khỏe và an ninh tại khu vực rèn luyện. [7.2.02].

Cơ chế giám sát, đối thoại và cải tiến: Điểm nổi bật trong công tác giám sát chất lượng dịch vụ là cơ chế đối thoại trực tiếp. Nhà trường tổ chức đối thoại định kỳ giữa Lãnh đạo nhà trường với HSSV (02 lần/năm học). Đây là kênh thông tin quan trọng để người học phản hồi về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, cơ sở vật chất và tiện ích. Thông qua các ý kiến đóng góp, nhà trường kịp thời điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế công tác HSSV nhằm tăng cường chế độ khen thưởng, khích lệ người học, đồng thời cải thiện các dịch vụ còn hạn chế. [7.2.03], [4.4.01], [6.2.02].

Công tác hỗ trợ và cung cấp dịch vụ tiện ích cho người học tại nhà trường được thực hiện có kế hoạch, đồng bộ và đạt hiệu quả cao. Điểm mạnh nổi bật là sự kết hợp hài hòa giữa việc đảm bảo các quyền lợi vật chất (chế độ chính sách, bảo hiểm, nội trú) với việc làm phong phú đời sống tinh thần thông qua các khu vực rèn luyện đa dạng.

Khu vực rèn luyện được nhà trường cụ thể hóa bằng việc duy trì thường xuyên các sân chơi văn hóa, văn nghệ và giải đấu thể dục thể thao (như bóng đá, bóng chuyền, văn nghệ chào mừng 20/11, ngoại khoá chuyên môn...). Các hoạt động này không chỉ giúp HSSV giải tỏa áp lực học tập mà còn là môi trường quan trọng để rèn luyện kỹ năng mềm, tinh thần đoàn kết và ý thức kỷ luật.

Việc duy trì cơ chế đối thoại định kỳ giúp hệ thống quản lý luôn lắng nghe và điều chỉnh kịp thời các tiện ích, từ đó tạo ra một môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn. Các chính sách khen thưởng và an sinh xã hội mang tính nhân văn sâu sắc, góp phần quan trọng trong việc thu hút, ổn định quy mô tuyển sinh và nâng cao chất lượng rèn luyện toàn diện cho HSSV theo đúng tiêu chuẩn kiểm định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường cũng như để đáp ứng được nhu cầu của các nhà tuyển dụng lao động, hàng năm Phòng Kiểm định & ĐBCL phối hợp Khoa Ngôn ngữ xây dựng kế hoạch khảo sát tại các đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của SV chuyên ngành tiếng Trung Quốc sau tốt nghiệp, sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông qua khảo sát, nhà trường nắm bắt được nhu cầu của các nhà tuyển dụng, từ đó điều chỉnh CTĐT phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

Từ đầu năm học, nhà trường xây dựng Kế hoạch khảo sát, thu thập ý kiến đánh giá của ít nhất 03 đơn vị doanh nghiệp đang có SV của trường đến thực tập và làm việc

tại các đơn vị. Việc thu thập ý kiến được tiến hành bằng hình thức gửi phiếu điều tra khảo sát điện tử.

Qua kết quả tổng hợp ý kiến nhận xét, đánh giá trong đợt khảo sát nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của SV sau khi tốt nghiệp đối với nhu cầu của thị trường lao động thì trên 80% các ý kiến doanh nghiệp cho rằng SV do trường đào tạo đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động.

Từ những thông tin hữu ích qua các đợt khảo sát giúp nhà trường, khoa Ngôn ngữ tiến hành đánh giá rút kinh nghiệm và lập kế hoạch cải tiến, điều chỉnh CTĐT để ngày càng đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4. Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN, thông tư 14/2024/TT- BLĐTBXH ngày 31/12/2024 quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng GDNN. Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm năm 2025 gồm nghề Vận hành máy thi công nền; Hàn (Khoa Cơ khí - Động lực); Khuyến nông lâm, Trồng trọt, chăn nuôi thú y (Khoa Nông Lâm); Cao đẳng tiếng Trung Quốc (Khoa Ngôn ngữ) trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng theo đúng quy định của Thông tư và các quy định của BLĐTBXH, Tổng cục GDNN và của Trường.

Năm 2025, trường thành lập Hội đồng đánh giá chất lượng, xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, bám sát hướng dẫn về công tác tự kiểm định, nộp báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp về Tổng cục GDNN đúng thời gian quy định [7.4.01], [7.4.02], [7.4.03], [7.4.04].

Công tác tự đánh giá chất lượng đào tạo được nhà trường đặc biệt quan tâm. Phòng Kiểm định và Đảm bảo chất lượng phối hợp với Khoa Ngôn ngữ thực hiện báo cáo đánh giá đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành tiếng Trung Quốc trình độ cao đẳng. Trong quá trình triển khai công tác tự kiểm định, Nhà trường tổ chức họp lấy ý kiến của nhà giáo, viên chức, người lao động trong trường, công khai nội dung tự kiểm định. Sau khi hoàn thành báo cáo, Nhà trường công khai báo cáo, nộp Sở Giáo dục và đào tạo, Cục giáo dục nghề nghiệp – GNTX [7.4.05], [7.4.06].

Trường Cao đẳng Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc tổ chức lại trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng và trường Trung cấp Nghề Cao Bằng thành trường Cao đẳng Cao Bằng do vậy nhà trường sẽ tiếp tục cải tiến các chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo trong năm 2026 và những năm tiếp theo.

Năm 2025: kết quả tự đánh giá: **97,5/100** tổng số điểm đạt nhà trường tự đánh giá tiêu chuẩn là đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học là hai yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng sản phẩm đầu ra của ngành đào tạo Trường Cao đẳng Cao Bằng. Chính vì vậy nhà trường luôn quan tâm và theo dõi sát sao để kịp thời đưa ra các biện pháp điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của ngành Tiếng Trung Quốc nói riêng và các ngành đào tạo khác nói chung. Nhà trường giao cho phòng ĐT&CTHSSV chủ trì thực hiện việc theo dõi, cập nhật danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phòng đã tham mưu cho nhà trường xây dựng quy định cụ thể quy trình nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập cho sinh viên. Từ đó ban hành quyết định danh sách sinh viên thôi học, SV bảo lưu kết quả học tập.

Cuối năm học phòng Đào tạo&CTHSSV chủ trì việc xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên cuối khóa theo quy định, thống kê tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên theo ngành đào tạo, báo cáo Lãnh đạo trường và đề xuất các biện pháp điều chỉnh, cải tiến để nâng cao tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp hàng năm.

Trong 3 năm gần đây tỉ lệ thôi học của ngành cao đẳng Tiếng Trung Quốc thấp so với các ngành khác trong toàn trường; Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp và thôi học được theo dõi đầy đủ hằng năm, Khoa Ngôn ngữ đã làm tốt công tác tư vấn, hỗ trợ để giảm tỉ lệ sinh viên thôi học và tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng kế hoạch tạo cơ sở cho khoa và nhà trường cải tiến chất lượng, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Bảng thống kê tỉ lệ HSSV bỏ học năm học 2024 – 2025

Hệ đào tạo	Khóa	Sĩ số đầu vào	Số SV bỏ học	Tỉ lệ bỏ học
Cao đẳng Tiếng Trung Quốc	22	78	2	2,7%
	23	96	1	1,1%
	24	109	7	6,4%
Tổng số		283	10	3,5%

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: Đạt 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Sau khi sinh viên khoá 2021- 2024 hoàn thành khoá học, tỉ lệ sinh viên có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo tại các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đạt trên 80% [7.6.01].

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát và từng bước hoàn thiện các quy định liên Sinh viên khóa 2022-2025 (K22) đạt tỷ lệ tốt nghiệp 100% . Kết quả này đã thể hiện được mức độ chuẩn đầu ra của CTĐT xác định đúng và phù hợp với người học và yêu cầu của nhà tuyển dụng. Người học hài lòng với nội dung CTĐT phù hợp với nhu cầu lao động của xã hội [3.6.01], [3.7.02], [3.7.04].

Trong năm học 2024 – 2025, trong quá trình xây dựng CTĐT K24 theo Thông tư số 01/2024/TT-BLĐT BXH, Khoa Ngôn ngữ đã điều chỉnh giảm số giờ và bổ sung môn học Tiếng Trung văn phòng nhằm đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng và phù hợp với vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp ra trường. Năm học 2025-2026,

trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐTK25, Khoa Ngôn ngữ đã bỏ 02 môn học và bổ sung 01 môn Giáo dục kỹ năng nhằm rèn luyện và nâng cao các kỹ năng mềm cho người học [1.1.02], [1.1.03], [1.1.04], [1.1.05], [1.1.07], [1.1.08], [1.1.09] [2.1.02], [7.6.02].

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát và từng bước hoàn thiện các quy định liên quan đến đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan, bao gồm doanh nghiệp, giảng viên và người học. Hoạt động khảo sát được triển khai trực tuyến thông qua hệ thống Google Forms đối với sinh viên tốt nghiệp, nhằm thu thập thông tin về việc làm, mức độ hài lòng đối với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp [7.6.03], [7.6.04], [3.7.04].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7. Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Sau khi NH hoàn thành khóa học, nhà trường đã phối hợp với các nhà tuyển dụng tổ chức các buổi tư vấn giới thiệu việc làm cho NH. Để đánh giá được tình hình việc làm của NH sau khi tốt nghiệp 12 tháng, nhà trường vẫn thường xuyên giữ mối liên hệ với NH, với các đơn vị sử dụng lao động để nắm bắt thông tin việc làm của NH. NH tốt nghiệp ngành Tiếng Trung trong năm 2025 tỷ lệ có việc làm trong thời gian 12 tháng đạt 100% trong đó có 92% NH có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo [7.7.01].

Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết NH của nhà trường đều đáp ứng được yêu cầu công việc và có kỹ năng nghề nghiệp, điều này thể hiện trọng việc phân công nhiệm vụ, vị trí việc làm của NH. Các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp là một trong những cơ sở quan trọng để nhà trường chỉ đạo các đơn vị điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội [7.7.02].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: Đạt 2,5 điểm

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Quyết định số 423/QĐ-CDSP ngày 29/9/2023 v/v ban hành chương trình môn Tiếng Anh và giáo trình tiếng Anh thuộc CTĐT trình độ cao đẳng ngành Tiếng Trung Quốc
				1.1.02	Quyết định số 360/CDSP-ĐT&NCKH, ngày 02/8/2024
				1.1.03	Quyết định số 420a/QĐ-CDSP, ngày 06/9/2024 ban hành CTĐT từ khóa K24
				1.1.04	Quyết định 416/QĐ-CDSP ngày 30 tháng 8 năm 2024 của trường CDSP Cao Bằng V/v ban hành khung kế hoạch đào tạo trình độ cao đẳng ngành Tiếng Trung Quốc, khóa học 2024 - 2027
				1.1.05	Thông báo Số: 295/ TB-CĐCB ngày 25/6/2025 của Trường Cao đẳng Cao Bằng V/v rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và ban hành lại chương trình đào tạo, chương trình môn học và mô đun năm học 2025-2026
				1.1.06	Quyết định 386/QĐ-CĐCB ngày 22/8/2025 v/v ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ chính quy theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun, tín chỉ
				1.1.07	Kế hoạch số 343/KH CĐCB ngày 17 tháng 7 năm 2025 việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo của Trường Cao đẳng Cao Bằng)
				1.1.08	Quyết định số 404/QĐ-CĐCB ngày 29/8/2025 ban hành Khung kế hoạch đào tạo và chương trình đào tạo ngành đào tạo Tiếng Trung Quốc trình độ cao đẳng chính quy khóa 25 (2025-2028)

				1.1.09	Quyết định số 403/QĐ-CDCB ngày 29/8/2025 v/v ban hành Chương trình đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc trình độ cao đẳng chính quy khóa 25 (2025-2028)
			1.2.01		Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 Quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ;
			1.2.02		Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
2	1	2	1.2.03		Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
				1.1.08	Quyết định số 404/QĐ-CDCB ngày 29/8/2025 ban hành Khung kế hoạch đào tạo và chương trình đào tạo ngành đào tạo Tiếng Trung Quốc trình độ cao đẳng chính quy khóa 25 (2025-2028)
				1.1.09	Quyết định số 403/QĐ-CDCB ngày 29/8/2025 v/v ban hành Chương trình đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc trình độ cao đẳng chính quy khóa 25 (2025-2028)
			1.3.01		Kế hoạch số 98/KH-CBSP ngày 14 tháng 02 năm 2025 tập huấn sử dụng trí tuệ nhân tạo AI trong dạy học năm học 2024-2025
3	1	3		1.3.02	Quyết định số 316/QĐ-CBSP ngày 26/7/2023 v/v ban hành Khung kế hoạch đào tạo và chương trình chi tiết ngành đào tạo Tiếng Trung Quốc trình độ cao đẳng chính quy khóa 23 (2023-2026);
				2.1.01	Thông báo Số: 295/ TB-CDCB ngày 25/6/2025 của Trường Cao đẳng Cao Bằng V/v rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và ban hành lại chương trình đào tạo, chương trình môn học và mô đun năm học 2025-2026
4	2	1		2.1.02	Quyết định số 307/QĐ-CDCB ngày 14 tháng 7 năm 2025 Về việc ban hành Quy định Phát triển chương trình đào tạo của Trường Cao đẳng Cao Bằng

5	2	5	2.5.01	Quyết định 360a/QĐ-CĐCB ngày 7 tháng 8 năm 2025 v/v thành lập Hội đồng thẩm định CTCT và lựa chọn giáo trình môn học Giáo dục kỹ năng trong CTĐT trình độ cao đẳng ngành Tiếng Trung Quốc năm học 2025-2026
			2.5.02	Quyết định số 409/QĐ-CĐSP ngày 27 tháng 8 năm 2024 v/v thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT trình độ cao đẳng ngành tiếng Trung Quốc K24
			2.5.03	Quyết định số 445a/QĐ-CĐCB ngày 26 tháng 9 năm 2025 v/v thành lập tổ biên soạn giáo trình môn tiếng Trung văn phòng trong CTĐT năm học 2025-2026
			2.5.04	Quyết định số 670/QĐ-CĐCB ngày 22 tháng 12 năm 2025 v/v thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình môn Tiếng Trung văn phòng năm học 2025-2026
6	3	1	3.1.01	Giấy chứng nhận số 125/2017/GCNDKHĐ-TCDN ngày 12 tháng 6 năm 2017 về đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
			3.1.02	Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 v/v giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; Quyết định số 76/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 v/v giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục đào tạo năm 2025.
			3.1.03	Quyết định số 79/QĐ-CĐCB ngày 5 tháng 5 năm 2025 v/v ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng giáo dục nghề nghiệp năm 2025; Thông báo số 108/TB-CĐCB ngày 7 tháng 5 năm 2025 thông báo tuyển sinh cao đẳng hệ chính quy năm 2025.
			3.1.04	Quyết định số 89/QĐ-CĐCB ngày 7 tháng 5 năm 2025 v/v thành lập hội đồng tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-CĐCB ngày 7 tháng 5 năm 2025 v/v thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2025.
7	3	3	3.1.05	Biên bản kiểm tra và bàn giao hồ sơ tuyển sinh cao đẳng chính quy năm 2025
			3.3.01	Kế hoạch số 378/KH-CĐCB kế hoạch công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa

					học năm học 2025 - 2026
				3.3.02	Kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa chuyên môn Khoa Ngôn ngữ
			3.3.03		Biên bản, phiếu đánh giá giờ giảng
			3.3.04		Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy
			3.3.05		Quyết định số 511/QĐ-CDCB Kiểm tra nội bộ về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch đào tạo Khoa Ngôn ngữ năm học 2025 - 2026
8	3	4	3.4.01		Hướng dẫn thực tập
			3.4.02		Báo cáo công tác thực tập
				3.5.01	Quyết định số 66/QĐ-CDCB ngày 29 tháng 4 năm 2025 về việc ban hành Quy chế thi kết thúc học phần, môn học, thi tốt nghiệp đối với trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy đào tạo theo miễn chế
9	3	5	3.5.02		Quyết định số 91/QĐ-CDCB ngày 7 tháng 5 năm 2025 v/v thành lập hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy năm 2025
			3.5.03		Quyết định số 92/QĐ-CDCB ngày 7 tháng 5 năm 2025 v/v thành lập hội đồng thi và xét tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy năm 2025
			3.5.04		Quyết định số 95/QĐ-CDCB ngày 8 tháng 5 năm 2025 v/v thành lập hội đồng ban đề thi thuộc Hội đồng thi và xét tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy năm 2025
			3.5.05		Quyết định số 96/QĐ-CDCB ngày 8 tháng 5 năm 2025 v/v thành lập hội ban coi thi thuộc Hội đồng thi và xét tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy năm 2025
			3.5.06		Quyết định số 97/QĐ-CDCB ngày 8 tháng 5 năm 2025 v/v thành lập hội ban chấm thi thuộc Hội đồng thi và xét tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy năm 2025
			3.5.07		Quyết định số 98/QĐ-CDCB ngày 8 tháng 5 năm 2025 v/v cử cán bộ thanh tra thuộc Hội đồng thi và xét tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy năm 2025

			3.5.08	Quyết định số 99/QĐ-CĐCB ngày 8 tháng 5 năm 2025 v/v thành lập tiêu ban vật chất thuộc Hội đồng thi và xét tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy năm 2025
			3.5.09	Kế hoạch số 109/KH-HĐTTN ngày 7 tháng 5 năm 2025 về kế hoạch thi và xét tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy năm 2025
			3.5.10	Quyết định số 295/QĐ-CĐCB ngày 30 tháng 6 năm 2025 quyết định về quản lý văn bằng, chứng chỉ của trường CĐCB.
			3.5.11	Quyết định số 635/QĐ-CĐSP ngày 31 tháng 12 năm 2024 v/v mở kỳ thi tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy khóa học 2022-2025
			3.5.12	Quyết định số 636/QĐ-CĐSP ngày 31 tháng 12 năm 2024 quyết định ban hành nội dung ôn thi tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy ngành tiếng Trung Quốc khóa học 2022-2025
10	3	6	3.6.01	Quyết định số 209/QĐ-CĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành Tiếng Trung Quốc năm 2025
				Danh sách sinh viên tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy năm 2025 ngành Tiếng Trung Quốc, khóa học 2022-2025 (đính kèm Quyết định số 209/QĐ-CĐCB ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cao Bằng)
			3.6.02	Kế hoạch số 252/KH-CĐCB ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học các lớp cao đẳng chính quy K24 về hoạt động giảng dạy học kỳ II, năm học 2024-2025 của giảng viên và chất lượng đào tạo khóa học trình độ trung cấp niên khóa 2022-2025
11	3	7	3.7.01	Bảng điểm toàn khóa Cao đẳng tiếng Trung Quốc K22 (K22A,K22B); Bảng điểm năm học các lớp Cao đẳng tiếng Trung Quốc K23(K23A,K23B,K23C); Bảng điểm năm học các lớp Cao đẳng tiếng Trung Quốc K24(K24A,K24B,K24C)
			3.7.02	Quyết định số 181/BC-CĐCB, ngày 21/5/2025: Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về chất lượng đào tạo các lớp cao đẳng hệ chính quy, khóa học 2022-2025

			3.7.03	Quyết định số 304/BC-CDCB, ngày 30/6/2025: Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II, năm học 2024–2025
			3.7.04	Quyết định số 501/BC-CDCB, ngày 26/9/2025: Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến người học về các hoạt động đào tạo, phục vụ đào tạo và môi trường làm việc của Trường Cao đẳng Cao Bằng năm học 2024–2025
			3.7.05	Quyết định số 354/QĐ-CDSP, ngày 22/9/2022: Điều chỉnh, bổ sung chương trình môn Cơ sở văn hóa Việt Nam ngành Cao đẳng Tiếng Trung Quốc, thực hiện từ khóa K22 (khóa học 2022–2025)
			3.7.06	Quyết định số 477/BC-CDCB, ngày 18/9/2025: Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, viên chức, người lao động về các hoạt động đào tạo, phục vụ đào tạo và môi trường làm việc của Trường Cao đẳng Cao Bằng năm học 2024–2025
			4.1.01	Danh sách trích ngang về trình độ của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tham gia giảng dạy của trường năm 2025
12	4	1	4.1.02	Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy chuyên ngành tiếng Trung Quốc năm 2025
			4.1.03	Hồ sơ quản lý giảng viên Giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025
			4.1.04	Kế hoạch số 110/KH-CDSP ngày 21/02/2025 của Trường Cao đẳng Sư Phạm Cao Bằng v/v đào tạo, bồi dưỡng viên chức năm 2025
			4.1.05	Kế hoạch số 448/KH-CDCB ngày 01/9/2025 của Trường CD Cao Bằng kế hoạch Công tác đào tạo, bồi dưỡng và NCKH năm học 2025 – 2026
			4.1.06	Danh sách trích trích ngang về trình độ của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tham gia giảng dạy của trường năm 2025
			4.2.01	Quyết định số 350/QĐ-CDCB ngày 01/8/2025 của Trường CD Cao Bằng v/v Ban hành quy định về chế độ làm việc của nhà giáo Trường Cao đẳng Cao Bằng
			4.2.02	Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy chuyên ngành tiếng Trung Quốc năm 2025
13	4	2		

		4.2.03	Quyết định số 340/QĐ-CDSP ngày 15/9/2022, Quyết định số 368/QĐ-CDSP ngày 30/09/2022, Quyết định số 400/QĐ-CDSP ngày 20/10/2022 v/v phê duyệt danh sách trúng tuyển cao đẳng hệ chính quy năm 2022, ngành tiếng Trung Quốc
		4.2.04	Kế hoạch năm học 2025- 2026 của Khoa Ngôn ngữ
		4.2.05	Thời khóa biểu năm học 2025 -2025
		4.2.06	Bảng tổng hợp số /CĐCB-ĐT&CTHSSV ngày /12/2025 tổng hợp định mức giảng dạy của giảng viên theo các nhóm môn năm học 2025 – 2026
		4.2.07	Kế hoạch giảng dạy của GV các lớp Tiếng Trung K23, K24, K25 năm học 2025 - 2026
		4.2.08	Kế hoạch số 562/ KH-CDSP ngày 26/11/2024 Kế hoạch Kiểm tra chuyên môn năm học 2024 - 2025
		4.2.09	Thông báo số 321/TB-CĐCB ngày 30 /6/2025 về kết quả kiểm tra chuyên môn học kì II năm học 2024-2025 đối với hệ cao đẳng
		4.3.01	Danh sách trính ngang viên chức
		4.3.02	Kế hoạch số 110/KH-CDSP ngày 21 tháng 02 năm 2025 kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức năm 2025
		4.3.03	QĐ số 111/QĐ-CĐCB, ngày 25/02/2025 cử GV tham gia lớp BD chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành GDNN năm 2025
14	4	4.3.04	Quyết định số 621/QĐ-SGD&ĐT ngày 12 tháng 5 năm 2025 v/v công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng cấp cơ sở của sáng kiến và đề tài NCKH năm học 2024-2025
		4.3.05	Thông báo số 589/TB-CĐCB, ngày 10/12/2024 Kết quả thao giảng năm học 2024-2025
		4.3.06	Thông báo số 312/TB-CĐCB, ngày 30/6/2025 thông báo kết quả KTHSCM năm học 2024-2025
		4.3.07	Hồ sơ đánh giá xếp loại cá nhân

15	4	4		4.4.01	Quyết định số 201/QĐ-CDCB, ngày 29/5/2025 - Quy chế chi tiêu nội bộ
			4.4.02		Quyết định số 350/QĐ-CDCB, ngày 01/8/2025 - Quy định chế độ làm việc của nhà giáo
			4.4.03		Kế hoạch số 316/KH-CDCB, ngày 04/7/2025 Kế hoạch tập huấn; Danh sách cử giáo viên đi tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ năm 2025
			4.4.04		Báo cáo số 691/BC-CDCB, ngày 12/12/2025 Báo cáo tổng kết công tác của Nhà trường năm học 2024 – 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2025-2026
16	4	5	4.5.01		Thông báo số 221/TB-CDCB ngày 30/5/2025 về Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân viên chức, người lao động năm học 2024 – 2025
			4.5.02		Thông báo Số: 2152/SGDDT-GDNNGDTX V/v thông báo thời gian tổ chức Hội nghị tập huấn bồi dưỡng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI);
					Danh sách đăng ký tham gia tập huấn bồi dưỡng Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI
			4.5.03		Thông báo Số 982 SGDDT-GDNNGDTX Về việc tham dự Hội thảo trực tuyến của Đại học Bách khoa Hà Nội
17	4	6	4.6.01		Quyết định Số 238/QĐ- CDCB Về việc biểu dương, khen thưởng các cá nhân có thành tích cao năm học 2024-2025
			4.6.02		Quyết định Số 751/QĐ-SGDDT Quyết định tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở năm học 2024-2025
			5.1.01		Hồ sơ phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng trường; Bản vẽ mặt bằng quy hoạch tổng thể
			5.1.02		Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường, hồ sơ thiết kế, bản vẽ thiết kế xây dựng trường;
18	5	1	5.1.03		Hồ sơ hoàn công các khối công trình phục vụ đào tạo
			5.1.04		QĐ số 390/QĐ-CDSP, ngày 19/8/2024 Quyết định thí sinh trúng tuyển hệ cao đẳng

				ngành Tiếng Trung năm 2024
				Quyết định số 388/QĐ-CDCB, ngày 22/8/2025 Quyết định thí sinh trúng tuyển hệ cao đẳng ngành Tiếng Trung năm 2025
				Quyết định số 332/QĐ-CDCB, ngày 31/7/2025 Phân công giảng viên làm công tác chủ nhiệm các lớp khoá 23, 24, 25 hệ cao đẳng chính quy, năm học 2025 - 2026
				Thống kê diện tích phòng học và tỉ lệ diện tích người học/phòng học năm 2025
				Báo cáo kiểm kê tài sản, biên bản kiểm kê tài sản - công cụ, dụng cụ năm 2024
				Thống kê diện tích nhà Hiệu bộ, giảng đường, hội trường, nhà đa năng, Nhà khách, kí túc xá, nhà để xe
				Kế hoạch số 02/KH-CDSP ngày 02/01/2025 về việc mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị năm 2025
				Bộ hồ sơ khảo sát năm học 2024 - 2025 (bao gồm Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)
				Sổ theo dõi thiết bị dạy học năm 2025
				Báo cáo kiểm kê tài sản, biên bản kiểm kê tài sản - công cụ, dụng cụ năm 2024
				Bộ hồ sơ khảo sát năm học 2024 - 2025 (bao gồm Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)
				Danh mục tài sản cố định các đơn vị; MC5.3.02 Sổ theo dõi tài sản cố định 2024
				Báo cáo Số 477 BC-CDCB Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, VC, NLĐ về các hoạt động đào tạo, phục vụ đào tạo và môi trường làm việc ngày 18.09.2025
				Báo cáo số 501 BC-CDCB Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến người học 2024-2025
				Quyết định số 517/QĐ-CDCB ngày 11/11/2025 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Trường Cao đẳng Cao bằng
19	5	2		
20	5	3		
21	5	4		

22	5	5	5.5.01		Danh mục giáo trình, tài liệu thư viện năm 2025
			5.5.02		Nội qui thư viện
23	6	1	6.1.01		KH đào tạo
				6.1.02	Hướng dẫn số 94/HD-CDCB ngày 28 tháng 4 năm 2025 v/v thực hiện xét các chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên
			6.1.03		KH khảo sát lấy ý kiến của NH, GV và các bên liên quan
24	6	2	6.2.01		Quyết định số 158/QĐ-CDCB ngày 15 tháng 5 năm 2025 quy định về học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên trường cao đẳng Cao Bằng năm học 2024-2025
				6.2.02	Quyết định số 64 ngày 29 tháng 4 năm 2025 quy chế công tác học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Cao Bằng.
25	6	3	6.3.01		Báo cáo tổng kết năm học
26	7	1	7.1.01		QĐ số 592/QĐ/CDCB ngày 18/11/2025 ban hành hệ thống quy trình bảo đảm chất lượng 2025
27			7.1.02		Biên bản họp Khoa về rà soát điều chỉnh cập nhật chương trình đào tạo Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, biên bản thay đổi Khung chương trình đào tạo của Khoa Ngôn ngữ
					Tờ trình về việc điều chỉnh bổ sung khung kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo và xây dựng chương trình chi tiết môn học ngành tiếng Trung Quốc.
					Dự thảo chương trình đào tạo Phiếu khảo sát chương trình đào tạo
			7.1.03		Báo cáo số 120/BC-CDCB ngày 9/5/2025 báo cáo kết quả thực tập tốt nghiệp K22 năm học 2024 – 2025
			7.2.01		Quyết định số 459/QĐ-CDCB ngày 6 tháng 10 năm 2025 v/v phân công giảng viên, giáo viên làm Cố vấn học tập cho HSSV
28	7	2			

			7.2.02	Biên bản xét trợ cấp; Bảo hiểm y tế; Danh sách đóng bảo hiểm
			7.2.03	Thông báo đối thoại định kỳ
			7.4.01	Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2025;
			7.4.02	Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2025
				Công văn xin ý kiến các đơn vị về nội dung báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng năm 2025;
29	7	4	7.4.03	Biên bản họp thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng năm 2025; Biên bản họp công bố kết quả tự đánh giá chất lượng năm 2025 Báo cáo tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng năm 2025
			7.4.04	Công văn gửi các đơn vị cơ quan quản lý cấp trên; Ảnh công khai kết quả tự đánh giá trên website Nhà trường)
			7.4.05	Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2025; Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2025
			7.4.06	Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 2025
			7.6.01	Danh sách khảo sát sinh viên tiếng Trung K21 có việc làm tại các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.
30	7	6	7.6.02	Quyết định số 409a/QĐ-CDSP, ngày 27/8/2024 (thẩm định CTĐT)
			7.6.03	Số 439/KH-CDCEB, ngày 28/8/2025, Kế hoạch Về hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2025 - 2026
			7.6.04	Số 640/KH-CDCEB, ngày 28/11/2025, Khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp và khảo sát tình hình việc làm của người

					học
31	7	7	7.7.01		Kế hoạch khảo sát, công văn phối hợp, phiếu khảo sát, Bảng tổng hợp ý kiến phản hồi. Báo cáo kết quả khảo sát
			7.7.02		Phiếu khảo sát DVDN, Báo cáo kết quả khảo sát

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CTĐT

1. Kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc

- Năm 2025 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh mục tiêu chương trình phù hợp với thực tế phát triển của xã hội. Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo trong các năm học tiếp theo.

- Triển khai các phương án tuyển sinh linh hoạt và hiệu quả, quảng bá về thương hiệu hình ảnh của Nhà trường như qua báo, đài, mạng xã hội, website của Nhà trường, cử cán bộ tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Tích cực triển khai công tác đổi mới PPDH theo hướng phát triển năng lực NH, rèn các kỹ năng mềm cho SV để đáp ứng tốt công việc ngay khi ra trường.

- Khuyến khích GV tham gia NCKH, viết bài đăng báo, tạp chí trong và ngoài nước. Nhà trường tiếp tục tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng và đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

- Nghiên cứu rà soát chỉnh sửa CTĐT để chất lượng đào tạo ngày càng cao, chất lượng đầu ra phù hợp với yêu cầu ứng dụng nghề nghiệp. Hằng năm, nhà trường tổ chức rà soát, lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT đầy đủ về đối tượng khảo sát, từ đó phát triển CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội và nhu cầu NH.

- Nghiên cứu mua bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo; nâng cấp thư viện điện tử, hạ tầng phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

- Phát huy vai trò của các tổ chức Đoàn, Hội; thường xuyên phát động phong trào thi đua trong học tập và rèn luyện; tổ chức các hoạt động ngoại khóa thiết thực, hiệu quả; rèn luyện kỹ luật lao động và kỹ năng mềm cho SV. Thành lập, tổ chức mô hình các câu lạc bộ hỗ trợ SV trong quá trình học tập và rèn luyện. Tăng cường và mở rộng quan hệ với doanh nghiệp, xây dựng quy định và lập kế hoạch về tổ chức tư vấn, hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

2. Các biện pháp và kế hoạch cụ thể

Tiêu chí	Những điểm hạn chế	Kế hoạch khắc phục điểm hạn chế			
		Nội dung công việc sẽ triển khai	Thời gian dự kiến hoàn thành	Cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện	Cá nhân, đơn vị phối hợp thực hiện
Tiêu chí 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Tiếp tục rà soát điều chỉnh mục tiêu chương trình phù hợp với thực tế phát triển của xã hội	Định kỳ xây dựng Kế hoạch rà soát, điều chỉnh mục tiêu chương trình.	2026	Khoa Ngôn ngữ	Phòng ĐT&CTHS SV

Tiêu chí 2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình	Tiếp tục nghiên cứu thực hiện công tác rà soát, chỉnh sửa CTĐT.	Tiếp tục phát triển CTĐT; thực hiện rà soát, điều chỉnh để hoàn thiện và công bố chuẩn đầu ra CTĐT.	2026	Khoa Ngôn ngữ	Phòng ĐT&CTHS SV
Tiêu chí 3: Hoạt động đào tạo	- Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tăng cường công tác tuyển sinh đáp ứng được kế hoạch và chỉ tiêu được giao. - Đổi mới PPDH phù hợp với ngành ngôn ngữ, đồng thời chú trọng rèn các kỹ năng mềm cho SV	- Nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh: Tăng cường công tác quảng bá hình ảnh Trường, quảng cáo, tư vấn trực tiếp - Lấy ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và cựu SV để điều chỉnh nội dung, PPDH; xây dựng kế hoạch dự giờ, rút kinh nghiệm giờ dạy.	2026	Phòng ĐT&CTHSS V	Các đơn vị trong Trường
Tiêu chí 4: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động	- Chưa xây dựng kế hoạch và tổ chức cho GV cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định. - Tỷ lệ GV viết bài đăng báo, tạp chí trong và ngoài nước chưa cao. - Tỷ lệ GV cơ hữu chưa đồng đều trong các khoa, tổ.	- Liên hệ với các cơ sở thực tập và triển khai kế hoạch thực tập của GV - Khuyến khích, động viên GV tham gia NCKH, viết bài báo khoa học. - Tuyển mới một số GV có trình độ sau đại học bộ môn tiếng Trung Quốc	2026	Khoa Ngôn ngữ	Phòng ĐT&CTHS SV
Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu	Mua bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo; nâng cấp thư viện điện tử, hạ tầng phục vụ hiệu quả cho hoạt	- Xây dựng kế hoạch để mua bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo. - Tìm hiểu nguồn học liệu điện tử từ các trường có cùng ngành	2026	Phòng TC-HC, Phòng ĐT&CTHSS V	Khoa Ngôn ngữ

	động đào tạo.	đào tạo			
Tiêu chí 6: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Tiến độ lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT còn chậm so với kế hoạch.	- Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi về dịch vụ NH cần đảm bảo theo kế hoạch đề ra. - Tổ chức đa dạng các hoạt động phong trào cho SV.	2026	Phòng DT&CTHSS V	Khoa Ngôn ngữ
Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	Công tác thu thập ý kiến khảo sát chưa đảm bảo đủ số lượng các đơn vị cần khảo sát theo quy định.	- Tích cực trao đổi liên lạc với các Nhà sử dụng lao động để thực hiện đủ số lượng khảo sát theo quy định - Sau khi có kết quả khảo sát, nhà trường tiến hành phân tích nguyên nhân và đề xuất các biện pháp khắc phục.	2026	Phòng DT&CTHSS V, Khoa Ngôn ngữ	Tổ BDCL, TT tư vấn tuyển sinh và giới thiệu việc làm

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn về công tác kiểm định chất lượng CTĐT, công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT.

2. Đối với Sở GD&ĐT tỉnh Cao Bằng

- Tạo cơ hội gắn kết mối liên hệ giữa nhà trường với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động ngành Tiếng Trung Quốc trong và ngoài tỉnh.

- Tiếp tục tổ chức các ngày hội việc làm để SV ngành Tiếng Trung Quốc được tham gia trải nghiệm và học tập.

3. Đối với Trường Cao đẳng Cao Bằng

- Tăng cường rà soát, điều chỉnh CTĐT đáp ứng chuẩn đầu ra và phù hợp với yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp.

- Tạo điều kiện cho GV cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động.

- Tuyển mới một số GV có trình độ sau đại học chuyên ngành tiếng Trung Quốc.

Nơi nhận:

- TCGDNN (để b/c);
- Sở GD&ĐT (để b/c);
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT&NCKH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Vân Chi